VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 19/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 12 năm 2021 ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam

(Tiếp theo Công báo số 73 + 74)

Phụ lục I

DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
396	Isoprothiolane 375g/kg + Tricyclazole 375g/kg	Bimson 750WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM Tùng Dương
397	Isoprothiolane 350g/kg + Tricyclazole 400g/kg	Bim-fu 750WG	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
398	Isoprothiolane 300g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Newtinano super 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam

399	Isoprothiolane 400g/kg + Tricyclazole 400g/kg	Acfubim 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Bim 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Fireman 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Trifuaic 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
400	Isopyrazam (min 92%)	Reflect® 125EC	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
401	Iprovalicarb (min 95%) 55g/kg + Propineb 612.5g/kg	Interest 667.5WP	Thán thư/xoài; giả sương mai/dưa chuột; mốc sương/nho	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
		Melody duo 66.75WP	Mốc sương/nho, dưa hấu, cà chua, dâu tây; sương mai/hành, hoa hồng, rau cải; thán thư/ớt; sương mai, thán thư/vải	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Mix-pro 667.5WP	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
402	Kanamycin sulfate (min 98%)	Marolyn 10WP	Khô vằn/lúa, rỉ sắt, thán thư/lạc, thối nhũn/ bắp cải	Công ty CP Trường Sơn
403	Kasugamycin (min 70%)	Asana 2SL	Đạo ôn, khô vằn, bạc lá/lúa; thỗi nhũn/bắp cải, cải xanh; héo xanh/cà chua; sẹo/cam; thối quả/nhãn, xoài, sầu riêng, vải	Công ty TNHH SX TM Tô Ba
		AD-Carp 2SL	Bạc lá/lúa, thán thư/ớt	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
		Bactecide 20SL, 60WP	Bạc lá, đạo ôn/lúa; thán thư/ớt; phấn trắng/ bầu bí	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Bisomin 2SL, 6WP	**2SL:** đạo ôn, bạc lá/lúa; thán thư, sẹo/cam, quýt; thán thư, thối quả/vải, nhãn, xoài; héo rũ, lở cổ rễ/cà chua, bắp cải; thối quả, phấn trắng/nho **6WP:** đạo ôn, bạc lá/lúa; phấn trắng/nho	Bailing Agrochemical Co., Ltd

		Calistar 20SC, 25WP	**20SC:** đạo ôn/lúa **25WP:** lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Chay bia la 2SL	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Citimycin 20SL	Đạo ôn, bạc lá/lúa	Eastchem Co., Ltd.
		Fujimin 20SL, 50WP	Đạo ôn, đốm sọc, bạc lá/lúa; chết ẻo cây con/ cà chua, đậu trạch, bí xanh, dưa chuột.	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Fukmin 20SL	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Golcol 20SL, 50WP	Đạo ôn, đốm sọc, bạc lá/lúa; chết ẻo cây con/ cà chua, đậu trạch, bí xanh, dưa chuột	Công ty Cổ phần Nông dược Việt Nam
		Goldkamin 20SL	Đạo ôn, bạc lá/lúa; thối đen/bắp cải; thối nhũn/hành; thán thư/xoài	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Grahitech 2SL, 4WP	Đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt/lúa; thối nhũn/bắp cải, hành; lở cổ rễ/thuốc lá, dưa chuột, dưa hấu, cà chua; bệnh sẹo/cam; thán thư/vải, xoài	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		JAVI Min 20SL, 60WP	**20SL:** lem lép hạt/lúa **60WP:** đạo ôn/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Kagomi 3SL	Đạo ôn, bạc lá vi khuẩn/lúa; thối nhũn vi khuẩn/bắp cải; loét/cam	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
		Kamycinjapane 20SL, 80WP	**20SL:** khô vằn/lúa **80WP:** đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa chất & TM Trần Vũ
		Kamsu 2SL, 8WP	Đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt/lúa; thối nhũn do vi khuẩn/hành, bắp cải; lở cổ rễ/cà chua, dưa chuột, dưa hấu, thuốc lá, thuốc lào; sẹo/cam; thán thư/vải, nhãn, xoài, nho, điều, hồ tiêu.	Công ty TNHH Việt Thắng
		Karide 3SL, 6WP	Đạo ôn, bạc lá/lúa; thối đen/bắp cải; thối nhũn/hành; thán thư/xoài; phấn trắng/nho	Công ty TNHH An Nông

		Kasuduc 3SL, 100WP	**3SL:** bạc lá/lúa **100WP:** đạo ôn, bạc lá/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Kasugacin 3SL	Khô vằn, đạo ôn/lúa, sương mai/dưa chuột	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Kasumin 2SL	Đạo ôn, đốm sọc, bạc lá, đen lép hạt do vi khuẩn/lúa; thối vi khuẩn/hành, bắp cải; loét vi khuẩn/cam; đốm lá/lạc	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Kasuga 60WP	Thối nhũn/cải bắp, phấn trắng/bí xanh	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Kasustar 62WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Vagritex
		Kata 2SL	Đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt/lúa; thối nhũn/bắp cải; đốm lá/lạc; bệnh loét/cam	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Katamin 3SL	Đạo ôn, bạc lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Kminstar 20SL, 60WP	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa; sẹo/cam; thối vi khuẩn/bắp cải; thối quả/vải, xoài	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Fortamin 3SL, 6WP	Đạo ôn, đốm nâu, bạc lá/lúa; đốm lá/dưa chuột; thối nhũn/bắp cải; thán thư/xoài, dưa hấu; sẹo/cam	Công ty TNHH Phú Nông
		Newkaride 3SL, 6WP	**3SL:** đạo ôn, bạc lá/lúa; thối đen/bắp cải; thối nhũn/hành; thán thư/xoài; phấn trắng/nho, đốm đen vi khuẩn/xoài, bệnh sẹo/cam **6WP:** đạo ôn, bạc lá/lúa; thối đen/bắp cải; thối nhũn/hành; thán thư/xoài; phấn trắng/nho	Công ty TNHH US.Chemical
		Tabla 20SL	Bạc lá, đạo ôn/lúa; thối nhũn/bắp cải	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng

		Trasuminjapane 2SL, 8WP	Đạo ôn, bạc lá, khô vằn, đốm nâu/lúa; thối nhũn/bắp cải; đốm lá/dưa chuột; thán thư/dưa hấu, xoài; loét sẹo vi khuẩn/cam	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Tutin 40SL	Đạo ôn/lúa, đốm lá/hoa lan, thán thư/ớt, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Kyoto Japan
		Saipan 2SL	Đạo ôn, bạc lá/lúa, thối nhũn/bắp cải, loét/cam	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Usakacin 6WP, 30SL	Bạc lá, đạo ôn/lúa; thối nhũn/bắp cải	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
404	Kasugamycin 20g/kg + Isoprothiolane 180g/kg + Tricyclazole 650g/kg	Tranbemusa 850WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
405	Kasugamycin 2g/l + Ningnanmycin 40g/l	Kamilaic 42SL	Đốm lá/hành	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
406	Kasugamycin 20g/kg + Ningnanmycin 48g/kg	No-vaba 68WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
407	Kasugamycin 2g/l (2g/kg) + Ningnanmycin 38g/l (48g/kg)	Linacin 40SL, 50WP	Bạc lá/lúa	Công ty CP nông dược Việt Nam
408	Kasugamycin 25g/l (50g/kg) + Ningnanmycin 25g/l (60g/kg)	Chobits 50SL, 110WP	**50SL:** lem lép hạt/lúa **110WP:** lem lép hạt, đốm sọc vi khuẩn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
409	Kasugamycin 20g/l + Ningnanmycin 20g/l	Parisa 40SL	Thối nhũn/bắp cải	Công ty CP CN Hóa chất Nhật Bản Kasuta
410	Kasugamycin 10g/l (16g/kg) + Ningnanmycin 65g/l (60g/kg)	Kamycinusa 75SL, 76WP	**75SL:** khô vằn/lúa; nấm hồng/cao su **76WP:** đốm sọc vi khuẩn/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
411	Kasugamycin 2g/kg + Ningnanmycin 98g/kg	Nikasu 100WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
412	Kasugamycin 5g/l, (20g/kg) + Ningnanmycin 41.9g/l (50.9g/kg) + Polyoxin B 0.1g/l, (0.1g/kg)	Gallegold 47SL, 71WP	Thán thư/vải, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ

413	Kasugamycin 10g/kg (10g/l) + Ningnanmycin 40g/kg (40g/l) + Streptomycin sulfate 50g/kg (100g/l)	Famycinusa 100WP, 150SL	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
414	Kasugamycin 3.5% (35g/kg) + Oxine copper 40% (400g/kg)	Kasuno 43.5WP	Cháy bìa lá/gừng, sương mai/khoai tây	Công ty TNHH Summit Agro Vietnam
		Osaku 435WP	Thán thư/hoa hồng	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
415	Kasugamycin 9g/l (1g/kg), (1g/l) + Polyoxin 1g/l (19g/kg), (20g/l)	Starsuper 10SC, 20WP, 21SL	**10SC, 21SL:** đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt, bạc lá/lúa; sẹo/cam; thối quả/vải, xoài; sương mai/cà chua **20WP:** phồng lá/chè, héo xanh/dưa chuột; đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt, bạc lá/lúa; sẹo/cam; thối quả/vải, xoài; sương mai/cà chua	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
416	Kasugamycin 15g/l (20g/kg) + Polyoxin 2g/l (2g/kg)	Kaminone 17SL, 22WP	Thán thư quả/vải	Công ty CP Vagritex
417	Kasugamycin 1g/l (1g/kg) + Polyoxin B 21g/l (22g/kg)	Yomisuper 22SC, 23WP	**22SC:** lem lép hạt, đạo ôn/lúa **23WP:** thán thư/vải, phồng lá/chè, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
418	Kasugamycin 2g/kg + Streptomycin 38g/kg	Sunner 40WP	Bạc lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
419	Kasugamycin 10g/kg + Steptomycin sulfate 40g/kg	Navara 50WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
420	Kasugamycin 20g/kg + Streptomycin sulfate 80g/kg	Amigol-lux 100WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
421	Kasugamycin 50g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg	Teptop 100WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
422	Kasugamycin 5g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg	Novinano 55WP	Bạc lá/lúa, héo xanh/cà chua	Công ty CP Nông Việt

423	Kasugamycin 1g/kg + Streptomycin sulfate 100g/kg	Teamgold 101WP	Bạc lá/lúa; lở cổ rễ/bắp cải; héo xanh vi khuẩn/cà chua, thán thư/ớt, thối nhũn/hành	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
424	Kasugamycin (10g/l) 15g/kg + Streptomycin sulfate (140g/l) 170g/kg	Gamycinusa 150SL, 185WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
425	Kasugamycin 20g/kg + Tricyclazole 300 g/kg	Bingle 320WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
426	Kasugamycin 77g/kg + Tricyclazole 700g/kg	Javizole 777WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
427	Kasugamycin 12g/kg + Tricyclazole 250g/kg	Bemsai 262WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
428	Kasugamycin 1.2% + Tricyclazole 20%	Kansui 21.2WP	Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
429	Kasugamycin 2% + Tricyclazole 28%	Kabim 30WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP BVTV I TW
430	Kasugamycin 19 g/l (10g/kg) + Tricyclazole 11g/l (240g/kg)	Ankamycin 30SL, 250WP	**30SL:** bạc lá/lúa **250WP:** đạo ôn/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
431	Kasugamycin 2% + Tricyclazole 29%	Hibim 31WP	Đạo ôn, bạc lá/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
432	Kasugamycin 2% + Tricyclazole 30%	Unitil 32WP, 32WG	**32WP:** đạo ôn, bạc lá/lúa **32WG:** đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
433	Kasugamycin 2% + Tricyclazole 48%	Daiwantocin 50WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Futai
434	Kasugamycin 10g/kg + Tricyclazole 790g/kg	Bibojapane 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
435	Kasugamycin 15g/l (30g/kg) + Tricyclazole 285g/l (770g/kg)	Beammy-kasu 300SC, 800WG	Đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá/lúa	Công ty TNHH Việt Đức

436	Kasugamycin 5% + Tricyclazole 75%	Binbinmy 80WP	Đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Thiên Nông
437	Kasugamycin 15g/kg + Tricyclazole 700g/kg	Stardoba 715WP	Đạo ôn, bạc lá/lúa	Công ty TNHH Agro Việt
438	Kasugamycin 12g/l + Tricyclazole 80g/l	Kasai-S 92SC	Đạo ôn/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
439	Kasugamycin 40g/kg + Tricyclazole 768g/kg	Nano Diamond 808WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
440	Kasugamycin 20g/kg + Tricyclazole 800g/kg	Fujitil 820WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
441	Kasugamycin 0.5% + Tricyclazole 74.5%	Haragold 75WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
442	Kasugamycin 35g/kg + Tricyclazole 692g/kg + Validamycin 50g/kg	Tilmec 777WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
443	Kresoxim-methyl (min 95%)	Inari 300SC	Thán thư/thanh long, ớt, nhãn; giả sương mai/ dưa hấu	Công ty CP NN HP
		MAP Rota 50WP	Thán thư/xoài, phấn trắng/nho, giả sương mai/dưa hấu, đốm vòng/cà chua, thán thư/ớt; chết nhanh/hồ tiêu; đốm đen/dâu tây; sương mai/cà chua, sẹo/cam; phấn trắng/hoa hồng	Map Pacific PTE Ltd
		Sosim 300SC	Đạo ôn/lúa; sương mai/bầu, rau cải, bí xanh, mướp, rau cải, đậu côve, đậu đũa; mốc xám/ rau cải; đốm mắt cua/mồng tơi; rỉ trắng/rau dền; thán thư/đậu cô ve, đậu đũa; sương mai/súp lơ, hành; thán thư, phấn trắng, đốm mắt cua/ớt; rỉ sắt/đậu đũa, rỉ trắng/rau muống	Công ty TNHH Việt Thắng
444	Kresoxim-methyl 10% + Propineb 50%	Omega-downy rot 60WG	Rỉ sắt/cà phê, đốm lá/đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Omega

445	Kresoxim-methyl 300 g/kg + Tebuconazole 150 g/kg	Trido 450WP	Thán thư/cà phê	Công ty Cổ phần BVTV ATC
446	Kresoxim-methyl 20% + Triflumizole 15%	Dream heart 35SC	Thán thư/cà phê	Công ty TNHH Hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ
447	Laminarin (min 86%)	Vacciplant 45SL	Thán thư/dưa hấu	Công ty TNHH UPL Việt Nam
448	Mancozeb (min 85%)	Aikosen 80WP	Thán thư/xoài, thanh long, ớt, đốm lá/bắp cải, xì mủ/sầu riêng	Công ty TNHH World Vision (VN)
		An-K-Zeb 800WP	Thối quả/vải	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Annong Manco 80WP, 300SC	**80WP:** sương mai/khoai tây, cà chua; thán thư/hoa hồng, xoài; phấn trắng/nho; lem lép hạt/lúa **300SC:** lem lép hạt/lúa; rỉ sắt/cà phê; sương mai/cà chua, phấn trắng/nho	Công ty TNHH An Nông
		Bavizeb 75WP	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Byphan 800WP	Thán thư/vải	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Cadilac 75WG, 80WP	**75WG:** đốm đen/hoa hồng, rỉ sắt/cà phê, thán thư/vải, mốc sương/khoai tây **80WP:** Mốc sương/khoai tây, rỉ sắt/cà phê, giả sương mai/dưa hấu; lem lép hạt/lúa, đốm lá/hoa cây cảnh	Agria S.A, Bulgaria
		Caliber 750WG, 800WP	**750WG:** rỉ sắt/cà phê, sương mai/khoai tây **800WP:** đốm đen/hoa hồng, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
		Đaiman 800WP	Lem lép hạt/lúa; mốc sương/cà chua; chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Trường Thịnh

		Dipomate 80WP, 430SC	**80WP:** sương mai/cà chua, rỉ sắt/hoa cúc, lem lép hạt/lúa **430SC:** lem lép hạt/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Dithane M-45 80WP, 600OS	**80WP:** mốc sương/cà chua, khoai tây; lem lép hạt, đạo ôn/lúa; mốc sương/nho, vải; thán thư/cà phê, xoài, điều; rỉ sắt cà phê. **600OS:** nấm hồng, thán thư/cao su; thán thư/điều, xoài, cà phê; rỉ sắt/cà phê; lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Dizeb-M 45 80WP	Đốm lá/lạc, ngô; đạo ôn, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê, đậu tương; đốm nâu/thuốc lá; sương mai/khoai tây	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Dofazeb 800WP	Sương mai/khoai tây, rỉ sắt/cà phê, thối quả/sầu riêng	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Dove 80WP	Thán thư/xoài	Công ty TNHH Nông nghiệp Mặt Trời Vàng
		Forthane 43SC, 80WP	**80WP:** thán thư/bắp cải, đạo ôn/lúa. **43SC:** đạo ôn/lúa	Longfat Global Co., Ltd.
		Fovathane 80WP	Sương mai/khoai tây, đốm lá/lạc; vàng rụng lá, nấm hồng/cao su; đạo ôn/lúa; rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
		Man 80WP	Thối nhũn/bắp cải, rỉ sắt/cà phê	DNTN TM - DV và Vật tư Nông nghiệp Tiến Nông
		Manco TD 80WP	Rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
		Makozeb-RBC 80WP	Thối quả/cam	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
		Manozeb 80WP	Phấn trắng/dưa chuột, đốm lá/lạc, chết nhanh/ hồ tiêu, thán thư/cà phê; sương mai/dưa hấu	Công ty CP Nông dược HAI

		Manthane M 46 37SC, 80WP	**37SC:** sương mai/cà chua **80WP:** sương mai/cà chua, vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Penncozeb 75WG, 80WP	**75WG**: thán thư/xoài, đốm lá/cà chua **80WP:** thán thư/xoài, ớt; đốm lá/cà chua; rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Baconco
		Sancozeb 80WP	Thối quả/cam, phấn trắng/dưa chuột	Forward International Ltd
		Tenem 80WP	Mốc sương/dưa chuột, đốm lá/cây có múi	Công ty TNHH TM Trang Nông
		Timan 80WP	Thối nhũn/bắp cải, ghẻ/cam, thán thư/thanh long, dưa hấu	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Tipozeb 80WP	Đạo ôn/lúa, thán thư/xoài, rỉ sắt/cà phê, sẹo/quýt	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Tungmanzeb 800WP	Lem lép hạt/lúa; đốm lá/lạc, ngô; rỉ sắt/lạc, cà phê, ngô; thán thư/điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Tvzeb 800WP	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Unizebando 800WP	Sương mai/cà chua	Công ty CP SAM
		Unizeb M-45 75WG, 80WP	**75WG:** đốm vòng/cà chua **80WP:** thán thư/dưa hấu, xoài, thanh long, ớt; rỉ sắt/lạc; vàng lá/lúa; sương mai/cà chua.	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Vimancoz 80WP	Đốm lá/rau cải, thối gốc, chảy mủ/sầu riêng; sương mai/khoai tây; chết cây con/lạc, chết chậm/hồ tiêu, thán thư/xoài	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vosong 800WP	Sương mai/dưa hấu, ghẻ nhám/cam, sương mai/cà chua, đốm lá/hồ tiêu	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
449	Mancozeb 0.24% (64%) + Metalaxyl 0.01% (8%)	Biorosamil 0.25PA, 72WP	Loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba

450	Mancozeb 640g/kg + Metalaxyl 40g/kg	Rinhmyn 680WP	Sương mai/khoai tây, rỉ sắt/cà phê, thán thư/hồ tiêu, điều	Công ty TNHH An Nông
451	Mancozeb 64% + Metalaxyl 8%	Agrimyl 72WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Sinh học NN Hai Lúa Vàng
		Favaret 72WP	Loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty CP Nicotex
		Fortazeb 72WP	Loét sọc mặt cạo/cao su	Forward International Ltd
		Hoanganhbul 72WP	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Mancolaxyl 72WP	Loét miệng cạo/cao su; lem lép hạt/lúa; thối rễ/hồ tiêu	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Met-Helmer 72WP	Thán thư/cà phê, đốm đen/hoa hồng, xì mủ/ cao su	Công ty TNHH B.Helmer
		Mexyl MZ 72WP	Chết nhanh/hồ tiêu; loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Phesolmanco-M 72WP	Loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Ricide 72WP	Loét sọc mặt cạo/cao su, đốm lá/thuốc lào	Công ty CP BVTV I TW
		Ridozeb 72WP	Lở cổ rễ/cây vừng, xì mủ thân/mắc ca, loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty CP Nông dược HAI
		Rithonmin 72WP	Đạo ôn/lúa, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Romil 72WP	Chết nhanh/hồ tiêu	Rotam Agrochemical Co., Ltd
		T-Promy MZ 72WP	Loét sọc mặt cạo/cao su; chết nhanh/hồ tiêu, thán thư/điều	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Tungsin-M 72WP	Loét miệng cạo/cao su; thán thư/điều; lem lép hạt/lúa; chết héo/hồ tiêu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

		Vimonyl 72WP	Loét sọc mặt cạo/cao su, chết nhanh/hồ tiêu, sương mai/khoai tây, chết ẻo/lạc, thán thư/điều	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
452	Mancozeb 640g/kg + Metalaxyl 80g/kg	Ridoman 720WP	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Zimvil 720WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
453	Mancozeb 600 g/kg (640g/kg) + Metalaxyl 80g/kg (80g/kg)	Rorigold 680WG, 720WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
454	Mancozeb 60% (64%) + Metalaxyl 8% (8%)	Metman bul 68WG, 72WP	**68WG:** Loét sọc mặt cạo/cao su, sương mai/ khoai tây **72WP:** Sương mai/khoai tây, loét sọc mặt cạo/cao su	Agria S.A
455	Mancozeb 48% + Metalaxyl 10%	Manmetpul 58WP	Thán thư/cà phê	Công ty TNHH Nam Bắc
		Ridokin 58WP	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP Genta Thụy Sĩ
456	Mancozeb 64% (640g/kg) + Metalaxyl-M 4% (40g/kg)	Copezin 680WP	Rỉ sắt/cà phê, loét sọc mặt cạo/cao su, sương mai/khoai tây	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		DN Man 68WG	Đốm lá/ngô	Công ty TNHH Thảo Điền
		Lanomyl 680WP	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Mekomil gold 680WG, 680WP	**680WG:** rỉ sắt/cà phê, thán thư/điều, sương mai/khoai tây **680WP:** đạo ôn/lúa, thán thư/điều, sương mai/khoai tây	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
		Ridomil Gold® 68WG	Thán thư/điều; sương mai/ca cao; loét sọc mặt cạo/cao su; chết cây con/thuốc lá, lạc; chết nhanh/hồ tiêu; đốm lá/ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

		Rildzomigol super 68WG	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
		Suncolex 68WP	Loét sọc mặt cạo/cao su, chết nhanh/hồ tiêu	Sundat (S) PTe Ltd
457	Mancozeb 660g/kg + Metalaxyl-M 60g/kg	Rubbercare 720WP	Loét sọc mặt cạo/cao su; chết nhanh/hồ tiêu, đốm lá/ngô, thán thư/điều	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
458	Mancozeb 44% + Polyoxin B 2%	Polyman 46WP	Thán thư/thanh long	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông
459	Mancozeb 301.6g/l + Propamocarb.HCl 248g/l	Propman bul 550SC	Sương mai/cà chua, dưa hấu	Agria SA
460	Mancozeb 620 g/kg + Tricyclazole 180g/kg	Triman gold 800WP	Đốm đen/hoa hồng	Công ty CP SAM
461	Mancozeb 280 g/kg + Sulfur 420 g/kg	Sufer man 700WP	Rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
462	Metalaxyl (min 95%)	Acodyl 25EC, 35WP	**25EC:** sương mai/khoai tây, thối rễ/hồ tiêu, loét sọc mặt cạo/cao su **35WP:** thối rễ/hồ tiêu	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Alfamil 350WP	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Binhtaxyl 25EC	Mốc sương/khoai tây; đốm lá/lạc	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Foraxyl 35WP	Rỉ sắt/đậu tương	Forward International Ltd
		Karoke 350WP	Chết nhanh/tiêu, phấn trắng/hoa hồng, sọc lá/ngô	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
		Mataxyl 500WG, 500WP	**500WG:** chết nhanh/hồ tiêu, loét sọc mặt cạo/cao su; sương mai/khoai tây **500WP:** chết nhanh/hồ tiêu; sương mai/khoai tây; chết ẻo/lạc; loét sọc mặt cạo, vàng rụng lá/cao su; thối quả, thối thân/ca cao; vàng lá/sắn; phấn trắng/đậu tương	Map Pacific PTE Ltd

		Meta-M-CMP 35WP	Chết nhanh/hồ tiêu, loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty CP Nông nghiệp CMP
		No mildew 25WP	Thối/hồ tiêu	Công ty TNHH TM Trang Nông
		Rampart 35SD	Chết ẻo cây con/thuốc lá, chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Salegold 250EC	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Việt Thắng
		Tân qui Talaxyl 25WP	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Ngân Anh
		Tatsu 25WP	Sương mai/hoa hồng, khoai tây	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Vilaxyl 35WP	Mốc sương/khoai tây, chết nhanh/hồ tiêu, héo rũ trắng gốc/lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
463	Metalaxyl-M (min 91%)	Voces 25WP	Loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
464	Metconazole (min 94%)	Anti-fusa 90SL	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Ozzova 90SL	Lem lép hạt, lúa von/lúa (xử lý hạt giống)	Công ty TNHH MTV Lucky
		Workup 9SL	Lem lép hạt/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
465	Metiram Complex (min 85%)	Polyram 80WG	Chạy dây/dưa chuột; đốm vòng/cà chua; sương mai/vải thiều, dưa hấu; thán thư/hồ tiêu, xoài; thối quả/nhãn; lúa von/lúa	BASF Vietnam Co., Ltd.
466	Metiram complex 550 g/kg + Pyraclostrobin 50 g/kg	Haohao 600WG	Thán thư/vải, đạo ôn/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Verityz 600WG	Thán thư/xoài, ghẻ sẹo/cam	Công ty TNHH Phú Nông

467	Metiram 55% (550g/kg) + Pyraclostrobin 5% (50g/kg)	Cabrio Top 600WG	Sương mai/cà chua, đạo ôn/lúa, sương mai/ dưa hấu, thán thư/xoài, bệnh sẹo/cam; giả sương mai/dưa chuột, sương mai/khoai tây, rỉ sắt/đậu tương; thán thư/ớt; thán thư/hồ tiêu	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Carlos 60WG	Phấn trắng/hoa hồng, sương mai/khoai tây	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
		Combo 600WG	Thán thư/ớt	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam
468	Metominostrobin (min 97%)	Ringo-L 20SC	Rỉ sắt/đậu tương, thán thư/gừng, thán thư/cà phê	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
469	Myclobutanil (min 98%)	Kanaka 50SC, 405WP	**50SC:** lem lép hạt/lúa **405WP:** lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Micelo 125WP	Chết nhanh/hồ tiêu, đốm lá/khoai môn	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Myclo 400WP	Đạo ôn/lúa; chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP Hóc Môn
470	Myclobutanil 130 g/kg + Pyraclostrobin 250 g/kg	Tokayo 380WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông
471	Myclobutanil 50g/kg (30g/kg) + Tebuconazole 250g/kg (500g/kg) + Tricyclazole 200g/kg (250g/kg)	Sieutino 500WP, 780WG	**500WP:** lúa von/lúa (xử lý hạt giống); khô vằn, lem lép hạt/lúa **780WG:** khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông
472	Myclobutanil 100g/kg + Tebuconazole 400g/kg + Trifloxystrobin 250g/kg	Rusem super 750WP	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa; khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH An Nông
473	Myclobutanil 100g/kg + Thifluzamide 500g/kg	Wonderful 600WP	Mốc sương/khoai tây	Công ty TNHH An Nông
474	Myclobutanil 50g/l (200g/kg) + Thiodiazole Zinc 200g/l (500g/kg)	Usagvil 250SC, 700WP	**250SC:** bạc lá/lúa **700WP:** bạc lá, lem lép hạt/lúa; thán thư/cà phê, điều; chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH An Nông

475	Ningnanmycin	Ace green 8SL	Đốm sọc vi khuẩn/lúa	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Annongmycin 80SL, 100SP	**80SL:** bạc lá, lem lép hạt/lúa; thán thư/xoài; phấn trắng/nho **100SP:** thối nhũn/hành	Công ty TNHH An Nông
		Bonny 4SL	Chết cây con/lạc, bạc lá/lúa, thối nhũn/bắp cải, héo rũ/cà chua, chết nhanh/hồ tiêu, sương mai/dưa chuột; chạy dây/dưa hấu; chết chậm/hồ tiêu; thối thân vi khuẩn/lúa	Công ty CP Nông dược HAI
		Cosmos 2SL	Bạc lá, khô vằn/lúa; hoa lá, xoăn lá, thán thư/ớt; phấn trắng, thối rễ, khô dây/bí xanh; phấn trắng, giả sương mai/dưa chuột; hoa lá/thuốc lá; sương mai, xoăn lá/cà chua	Công ty TNHH Nam Bắc
		Diboxylin 2SL	Đạo ôn, khô vằn, bạc lá, lem lép hạt, thối mạ, hoa cúc, lúa von/lúa; mốc xám, đốm lá/bắp cải, cải xanh; héo rũ, lở cổ rễ/cà chua; sương mai/dưa hấu, bầu bí; héo rũ/đậu tương, lạc, cà phê; thán thư/cam, chanh; thối quả/xoài, vải, nhãn, nho; vàng lá/hoa cúc; thán thư, phấn trắng, thối nhũn/nho; thán thư, phấn trắng/ xoài; thối nhũn/tỏi, hành; khô bông, thán thư/điều; rụng quả, rỉ sắt/cà phê; chết chậm, chết nhanh/hồ tiêu, đốm nâu/thanh long	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Ditacin 8SL, 10WP	**8SL:** héo rũ, bệnh khảm, bệnh sáng gân/thuốc lá; sương mai/cà chua; bạc lá/lúa; thối nõn/ dứa; héo xanh/lạc, cà chua, dưa chuột, bí xanh **10WP:** khảm/thuốc lá; héo rũ/lạc	Công ty TNHH Nông Sinh
		Evanton 40SL	Thối nhũn/bắp cải, bạc lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Fukuda 3SL	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC

		Jonde 3SL	Cháy bìa lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Kanicin 100WP	Thối nhũn/bắp cải	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Kozuma 5WP, 3SL	Khô vằn, đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt lúa/lúa; vàng lá/hoa cúc; xoăn lá/ớt; sương mai/dưa hấu; loét/cam; héo khô/bí xanh; khảm, héo rũ/ thuốc lá; héo rũ/cà phê, đậu tương, lạc; thối quả/xoài, nho, nhãn, vải; lở cổ rễ, héo rũ/cà chua	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Kufic 80SL	Héo xanh/cà chua, bạc lá/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Lincolnusa 15WP, 81SL	**15WP:** bạc lá/lúa **81SL:** bạc lá/lúa, thối nhũn/hành	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Molbeng 2SL	Bạc lá/lúa, héo rũ/cà chua; sương mai/dưa hấu; thối quả/xoài, vải	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Naga 80SL	Bạc lá/lúa; thối nhũn/cải bắp, chết chậm/hồ tiêu, héo xanh/cà chua	Công ty CP Hóc Môn
		Niclosat 4SL	Khô vằn, bạc lá/lúa; lở cổ rễ/lạc, đậu đỗ, cải bắp; khô cành/cà phê; lở cổ rễ, sương mai/cà chua; khô vằn/ngô; thối gốc/khoai tây, bí xanh; xoăn lá/ớt; hoa lá/thuốc lá; nấm hồng/cao su	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Ningnastar 50WP, 50SL	**50WP:** đạo ôn, khô vằn/lúa; phấn trắng/dưa chuột **50SL:** phấn trắng/dưa chuột	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Pyramos 40SL	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Romexusa 2SL, 20WP	**2SL:** phấn trắng/đậu tương **20WP:** bạc lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Somec 2SL	Bệnh hoa lá/thuốc lá; bệnh hoa lá, xoăn lá/ớt; bạc lá/lúa; thối rễ, khô dây/bí xanh; phấn trắng/dưa chuột; sương mai/cà chua	Công ty TNHH Nông dược Miền Nam

		Sucker 4SL, 90WP	**4SL:** đạo ôn, khô vằn, bạc lá, lem lép hạt, thối mạ, lúa von/lúa; thán thư/cam; mốc xám, đốm lá/bắp cải; héo rũ, lở cổ rễ/cà chua; thối quả, phấn trắng/xoài; rỉ sắt/cà phê; thối nhũn/hành, tỏi; khô bông/điều **90WP:** đốm sọc vi khuẩn, khô vằn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Supercin 50WP, 80SL	Khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá/lúa; giả sương mai/cà chua, dưa chuột, bầu bí; thối nhũn/bắp cải	Công ty CP nông dược Việt Nam
		Supermil 50WP, 40SL	Đạo ôn, đốm sọc, bạc lá/lúa; chết ẻo cây con/cà chua, dưa chuột, đậu trạch, bí xanh; thối nhũn/bắp cải.	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Thaiponbao 40SL	Phấn trắng/nho, bạc lá/lúa, thối nhũn/bắp cải; sương mai, chết cây con/cà chua; thối quả/cà phê	Công ty TNHH - TM Thái Phong
476	Ningnanmycin 17g/l, (10g/kg) + Polyoxin B 10g/l, (22g/kg)	Polysuper 27SL, 32WP	**27SL:** thán thư/vải **32WP:** lem lép hạt/lúa, thán thư/vải	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
477	Ningnanmycin 5g/kg + Polyoxin B 11g/kg + Streptomycin sulfate 5g/kg	Rorai 21WP	Lem lép hạt, bạc lá/lúa; thán thư/vải	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Sunshi 21WP	Thán thư/vải, lem lép hạt, bạc lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
478	Ningnanmycin 10g/kg (20g/l) + Streptomycin sulfate 68g/kg (60g/l)	Mycinusa 78WP, 80SL	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Hóa chất & TM Trần Vũ
479	Ningnanmycin 60g/l (60g/kg) + Streptomycin 240g/l (490g/kg)	Liveshow 300SL, 550WP	**300SL:** đốm sọc vi khuẩn/lúa **550WP:** thán thư/xoài; đạo ôn, lem lép hạt, đốm sọc vi khuẩn, bạc lá/lúa; phấn trắng/cam	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
480	Ningnanmycin 30g/kg + Tricyclazole 770g/kg	Avazole 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa chất & TM Trần Vũ

481	Ningnanmycin 25g/l (10g/kg) + Tricyclazole 425g/l (790g/kg)	Vitaminusa 450SC, 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
482	Ningnanmycin 27g/kg + Tricyclazole 700g/kg + Validamycin 50g/kg	Goldbem 777WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
483	Oligo-alginate	M.A Maral 10SL, 10WP	**10SL:** đốm vòng/cà rốt; kích thích sinh trưởng/chè **10WP:** kích thích sinh trưởng/bắp cải, cà rốt, cây hoa cúc	Công ty TNHH Ngân Anh
484	Oligo-sacarit	Olicide 9SL	Rỉ sắt/chè, sương mai/bắp cải, chết nhanh (héo rũ)/hồ tiêu, đạo ôn/lúa	Công ty CP SX TM Bio Vina
485	Oligosaccharins	Acoustic 5SL	Sương mai/cà chua	Công ty TNHH Deutschland Việt Nam
		Tutola 2.0SL	Sương mai/cà chua; chấm xám/chè; rỉ sắt/hoa cúc; đạo ôn/lúa	Công ty CP BVTV I TW
486	Oxathiapiprolin (min 95%)	Zorvec® Enicade® 10OD	Sương mai/cà chua	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
487	Oxine Copper (min 99%)	Cadatil 33.5SC	Cháy bìa lá/lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
		Funsave 33.5SC	Bạc lá/lúa	Công ty CP Global Farm
488	Oxolinic acid (min 93%)	G-start 200WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Oka 20WP	Bạc lá/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Oxalin 200WP	Bạc lá/lúa, héo dây thối củ/khoai lang	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Oxo 200WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm

		Sieu tar 20WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Starner 20WP	Lem lép hạt, bạc lá/lúa; héo xanh/hoa cúc	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Starwiner 20WP	Bạc lá, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
489	Oxolinic acid 600g/kg + Salicylic acid 150g/kg	Dorter 750WP	Thán thư/hoa hồng, bạc lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
490	Oxolinic acid 100g/kg + Streptomycin sulfate 25g/kg	Map lotus 125WP	Bạc lá, thối bẹ, thối hạt/lúa	Map Pacific Pte Ltd
491	Oxolinic acid 100g/kg + Streptomycin sulfate 100g/kg	Lino oxto 200WP	Bạc lá/lúa, phấn trắng/cao su	Công ty CP Liên Nông Việt Nam
492	Oxolinic acid 200g/kg + Tricyclazole 550g/kg	Tryxo 750WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
493	Oxytetracycline	Usastano 500WP	Bạc lá/lúa, đốm vòng/bắp cải	Công ty TNHH An Nông
494	Oxytetracycline 50g/kg + Streptomycin 50g/kg	Miksabe 100WP	Bạc lá, đốm sọc vi khuẩn, lem lép hạt/lúa; héo xanh/cà chua; loét, sẹo/cam; héo rũ cây con/ thuốc lá; đốm lá/dưa chuột; héo cây con/dưa hấu; héo rũ cây con, phấn trắng/cà phê; thối hoa/hoa hồng; thối gốc/hoa ly; héo rũ/hoa cúc; thối nhũn, thối đen gân lá/bắp cải; thối quả/cà chua	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Oxycin 100WP	Thối nhũn/bắp cải	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
495	Oxytetracycline hydrochloride 55% (550g/kg) + Streptomycin sulfate 35% (350g/kg)	Marthian 90SP	Héo xanh/cà chua	Công ty TNHH Hạt giống HANA
		Ychatot 900SP	Héo xanh/cà chua, bạc lá/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI

496	Oxytetracyline 400 g/kg + Streptomycin 100 g/kg	Centertaner 500WP	Bạc lá/lúa, đốm đen/cải xanh	Công ty TNHH An Nông
497	Oxytetracycline 50g/kg + Streptomycin 50g/kg + Gentamicin 10g/kg	Banking 110WP	Bạc lá/lúa, thán thư/thanh long; chết nhanh/hồ tiêu, héo xanh/cà chua	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
498	Oxytetracycline hydrochloride 2g/kg + Streptomycin sulfate 100g/kg	Avikhuan 102SP	Bạc lá/lúa	Công ty CP XNK nông dược Hoàng Ân
499	Oxytetracycline 300g/kg + Tetramycin 200g/kg	Goldfull 500WP	Thối nhũn/hành; cháy bìa lá, thối củ/gừng; thán thư/ớt; bạc lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
500	*Paecilomyces lilacinus*	Bionema 80WP	Tuyến trùng/cà phê, hồ tiêu, dưa lưới	Trung tâm công nghệ sinh học TP. Hồ Chí Minh
		Nemaces 10^8 cfu/gWP	Tuyến trùng/cà phê, hồ tiêu, thanh long, cam, chuối, cà rốt	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Palila 500WP (5 x 10^9cfu/g)	Bệnh do tuyến trùng gây ra trên cà rốt, cà chua, hồ tiêu, lạc, thuốc lá, cà phê	Công ty TNHH Nông Sinh
501	Papain	MAP Oni 2SL	Loét/cam, bạc lá/lúa, thối nhũn/bắp cải	Map Pacific Pte. Ltd
502	Penconazole (min 95%)	Penazon 100EC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Ω-Penco 20EW	Rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
503	Pencycuron (min 98%)	Alfaron 250WP	Khô vằn/lúa, chết rạp cây con/đậu tương	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Forwaceren 25WP	Khô vằn/lúa, đổ ngã cây con/khoai tây	Forward International Ltd
		Luster 250SC	Khô vằn/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Monceren 250SC	Khô vằn/lúa, lở cổ rễ/bông vải, chết ẻo/lạc	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông

		Moren 25WP	Khô vằn/lúa, chết ẻo cây con/dưa chuột, lở cổ rễ/lạc, khô vằn/ngô	Công ty CP BVTV I TW
		Vicuron 250SC	Khô vằn/lúa, lở cổ rễ/bông vải	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
504	Pencycuron 150g/kg + Tebuconazole 120g/kg	Arakawa 270WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
		Teb 270WP	Lem lép hạt/lúa, lở cổ rễ/hoa cúc	Sundat (S) PTe Ltd
505	Penthiopyrad (min 98.8%)	Kabina 200SC	Đốm nâu/thanh long	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
506	Picarbutrazox (min 94.5%)	Quintect 10SC	Giả sương mai/dưa hấu, sương mai/cà chua	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
507	Physcion	Dofine 0.5SL	Phấn trắng/bí đao, đốm nâu/thanh long, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
508	Picoxystrobin (min 98.5%)	Aproach® 250SC	Khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/lúa; thán thư/xoài	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Master Plus 225SC	Đốm lá/ngô	Công ty TNHH Master AG
		Picobin 250SC	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa, đốm vòng/cà chua	Công ty TNHH Phú Nông
509	Picoxystrobin 10% + Propiconazole 20%	Ace pypro 30SC	Rỉ sắt/cà phê	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
510	Picoxystrobin 70g/l + Propiconazole 120g/l	Suntioo 190SC	Rỉ sắt/đậu tương	Công ty CP NN HP
511	Picoxystrobin 250g/l + Prothioconazole 50g/l	Picoros 300SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
512	Phosphorous acid	Agri-Fos 400SL	Bệnh do nấm Phythophthora/sầu riêng; chết nhanh, vàng lá thối rễ/hồ tiêu, vàng rụng lá/cao su; đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá, khô vằn/lúa; đốm nâu/thanh long; xử lý hạt giống trừ bệnh đạo ôn/lúa; Chết nhanh/hồ tiêu; đốm nâu/thanh long	Công ty CP Phát triển CN sinh học (DONA- Techno)

		Herofos 400SL	Mốc sương/nho, tuyến trùng/hồ tiêu, cà phê; cỏ sân golf, bắp cải; chết nhanh/hồ tiêu; đốm nâu/thanh long	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Sprayphos 620SL	Sương mai/cà chua; xì mủ/cam, quýt, sầu riêng; chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH SX-TM Tô Ba
513	Polyoxin complex (min 31%)	Polyoxin AL 10WP	Đốm lá/hành, chảy gôm/dưa hấu, thán thư/ thanh long, ớt	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
514	Polyoxin B	5 Lua 3SL, 20WP	Phấn trắng/bầu bí; sương mai/cà chua; đạo ôn, bạc lá, khô vằn/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Bio Top 30WP	Đốm lá/hành	Công ty CP Công nghệ cao Kyoto Japan
		Caligold 20WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Ellestar 3SL, 20WP, 30SC	**3SL:** phấn trắng/bầu bí **20WP:** đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa; phấn trắng/xoài; lở cổ rễ/bắp cải; sương mai/cà chua **30SC:** Sẹo/cam	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
515	Polyphenol chiết xuất từ cây núc nác (*Oroxylum indicum)* và lá, vỏ cây liễu (*Salix babylonica)*	Chubeca 1.8SL	Thán thư, héo rũ/ớt; thối nhũn/cải xanh; lở cổ rễ/bắp cải; khô vằn, lem lép hạt, bạc lá, đạo ôn/lúa; nhện lông nhung/nhãn; thán thư/xoài, thanh long; đốm nâu/thanh long; thán thư/hành, ghẻ nhám/cam, đốm lá/ngô	Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ hóa sinh
516	Prochloraz (min 97%)	Agrivil 250EC	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Atilora 48EC	Lem lép hạt/lúa	Asiagro Pacific Ltd
		Azopro Top 450EW	Thán thư/cà phê	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
		Dailora 25EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Futai

		Mirage 50WP, 450EC	**50WP:** thán thư/hồ tiêu **450EC:** lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Talent 500WP	Thán thư/cà phê	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
517	Prochloraz-Manganese complex	Trinong 50WP	Khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt, thối thân/lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
518	Prochloraz 400 g/l + Propiconazole 90 g/l	Picoraz 490EC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa; đốm lá/lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
519	Prochloraz 255g/l, (309.9g/l), (10g/kg), 250g/kg + Propineb 10g/l, (0.1g/l), (705g/kg), 500g/kg	Forlione 265EW, 310EC, 715WP, 750WG	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
520	Prochloraz 250g/l + Tebuconazole 160g/l	Tilrice 410EC	Đốm lá/lạc	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
521	Prochloraz 420g/l (10g/kg), + Tricyclazole 10g/l (65g/kg)	Anizol 430SC, 75WP	**75WP:** Đạo ôn/lúa **430SC:** Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Vagritex
522	Prochloraz 400g/l (10g/kg) + Sulfur 20g/l (450g/kg), (300g/kg) + Tricyclazole 10g/l (55g/kg)	Rexcide 430SC, 515WP	**515WP:** đạo ôn/lúa **430SC:** lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
523	Propamocarb.HCl (min 92%)	Hussa 722SL	Sương mai/dưa hấu, chết cây con/lạc	Công ty CP BVTV ATC
		Probull 722SL	Tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Proplant 722SL	Nấm trong đất/hồ tiêu, nứt thân chảy nhựa/dưa hấu, chết ẻo cây con/lạc, xì mủ/cam	Công ty TNHH Kiên Nam
		Treppach Bul 607SL	Chết nhanh/hồ tiêu, sương mai/dưa chuột, xì mủ/sầu riêng; loét sọc mặt cạo/cao su; mốc sương/cà chua	Agria S.A, Bulgaria
		Zamil 722SL	Mốc sương/nho	Công ty CP Nicotex

524	Propamocarb 530 g/l + Fosetyl Aluminium 310g/l	Previcur Energy 840SL	Chết rạp/cà chua (sử dụng trong vườm ươm)	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
525	Propamocarb hydrochloride 500g/l + Kasugamycin 25g/l	Vaba super 525SL	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
526	Propiconazole (min 90%)	Agrozo 250EC	Thối thân, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Bumper 250EC	Khô vằn/lúa, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Canazole 250EC	Lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/đậu tương	Công ty CP TST Cần Thơ
		Catcat 250EC	Khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông dược HAI
		Fordo 250EC	Khô vằn/lúa	Forward International Ltd
		Fungimaster 250EC	Lem lép hạt, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Lunasa 25EC	Lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Propytil 250EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Starsai 300EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Tien sa 250EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Tilusa super 300EC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Tinmynew 250EC, 250EW	**250EC:** khô vằn/lúa **250EW:** lem lép hạt/lúa; rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH US.Chemical
		Tinix 250EC	Lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao

		Tiptop 250EC	Lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/cà phê	Công ty CP BVTV I TW
		Vitin New 250EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
527	Propiconazole 125g/l + Tebuconazole 100g/l	Farader 225EW	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
528	Propiconazole 150g/l + Tebuconazole 150g/l	Folitasuper 300EC	Lem lép hạt, đốm nâu, khô vằn/lúa; đốm lá/đậu tương, lạc; rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		TEPRO - Super 300EC	Lem lép hạt, khô vằn/lúa; thán thư/điều; khô vằn/ngô, đốm lá/lạc, thán thư/cà phê	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Tilgol super 300EC	Lem lép hạt/lúa; đốm lá/lạc, rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
529	Propiconazole 200g/l + Tebuconazole 200g/l	Gtop 400EC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
530	Propiconazole 150 g/l + Tebuconazole 50 g/l + Tricyclazole 350 g/l	Bembo 550SE	Đạo ôn/lúa	Công ty CP SX TM DV Ngọc Tùng
531	Propiconazole 30g/kg + Tebuconazole 500g/kg + Trifloxystrobin 250g/kg	Bismer 780WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
532	Propiconazole 125g/l + Tricyclazole 400g/l	Dotalia 525SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Fao-gold 525 SE	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
		Filia® 525 SE	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Filyannong super 525SE	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH An Nông

		Newlia Super 525SE	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH US.Chemical
		Tillage-super 525SE	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
533	Propiconazole 55g/l + Tricyclazole 500g/l	Nano Gold 555SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
534	Propiconazole 125g/l (30g/kg) + Tricyclazole 400g/l (720g/kg)	Novazole 525SE, 750WG	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Agrohao VN
535	Propiconazole 55 g/l, (100g/kg) + Tricyclazole 500g/l, (550g/kg)	Bumrosai 555SE, 650WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
536	Propiconazole 25g/kg (125g/l) + Tricyclazole 400g/kg (400g/l)	Rocksai super 425WP, 525SE	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng Hậu Giang
537	Propiconazole 125g/l + Tricyclazole 450 g/l	Finali 575 SE	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
538	Propiconazole 150g/l + Tricyclazole 400g/l	Bimtil 550 SE	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		TilBem Super 550SE	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Tilbis super 550SE	Đạo ôn/lúa	Công ty CP nông dược Việt Nam
		Tilmil super 550SE	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
539	Propineb (min 80%)	A-chacô 70WP	Thán thư/xoài	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Aconeb 70WP	Thán thư/xoài; mốc sương/nho; lem lép hạt/lúa; sương mai/dưa chuột	Công ty CP Đồng Xanh

		Afico 70WP	Thán thư/xoài; lở cổ rễ/hành; sương mai/dưa hấu	Công ty CP Nicotex
		Alphacol 700WP	Thán thư/xoài, phấn trắng/nho	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Antracol 70WP, 70WG	**70WP:** đốm lá/bắp cải, đậu tương, lạc, hồ tiêu; mốc xám/thuốc lá; thối cổ rễ/hành; thán thư/xoài, cà phê, điều, chè, thanh long, chôm chôm; sương mai/nho, dưa chuột; cháy sớm/ cà chua; đốm vòng khoai tây; khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa; đốm quả/cam; đốm lá, rỉ sắt, khô vằn/ngô; sương mai/vải; sương mai/ hành, mốc xám/rau cải, đốm mắt cua/mồng tơi; đốm đen, thán thư/bưởi **70WG:** thán thư/xoài, sương mai/nho	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Bach 70WP	Lem lép hạt/lúa	Sinon Corporation, Taiwan
		Donacol super 700WP	Thán thư/xoài	Công ty CP Smart Farm
		Doremon 70WP	Sương mai/khoai tây; lem lép hạt/lúa; thán thư/xoài	Công ty TNHH An Nông
		Dovatracol 72WP	Thán thư/sầu riêng, xoài, cà phê, hồ tiêu; ghẻ nhám/cam; lem lép hạt/lúa; sương mai/dưa hấu	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Newtracon 70WP	Thán thư/xoài, cà phê, điều, vải; đạo ôn/lúa; sương mai/dưa hấu; đốm lá/bắp cải, xoài; mốc sương/nho; thán thư, thối rễ chết nhanh/hồ tiêu; đốm lá/lạc, hành; sương mai/cà chua; lở cổ rễ/hành; ghẻ sẹo/cam; vàng lá/khoai lang	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Nofacol 70WP	Lem lép hạt/lúa, thán thư/xoài, ớt; đốm vòng/ cà chua, thán thư/thanh long	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Nova 70WP	Thán thư/đậu cô ve, cà chua, cà phê, xoài	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông

		Pylacol 700WP	Đốm lá/cần tây; đạo ôn, đốm nâu/lúa; thán thư/xoài, ớt	Rotam Asia Pacific Limited
		Sienna 70WP	Sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH Nam Bộ
		Startracon 70WP	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Strancolusa 70WP	Thán thư/cà phê	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Tadashi 700WP	Sương mai/hành, dưa hấu; thán thư/xoài, cà phê	Công ty CP NN HP
		Tamnong Propin 70WG	Thán thư/ớt	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông
		Tobacol 70WP	Mốc sương/nho, thán thư/xoài, vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Yoshino 70WP	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH TM SX GNC
		Zintracol 70WP	Thán thư/xoài, cà phê; đạo ôn, lem lép hạt/lúa; sương mai/dưa chuột; đốm lá/bắp cải; phấn trắng/nho	Công ty TNHH Phú Nông
540	Propineb 10g/l (10g/l), (10g/kg), (500g/kg) + Tebuconazole 260g/l (445g/l), (705g/kg), (250g/kg)	Natisuper 270EW, 455SC, 715WP, 750WG	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
541	Propineb 10g/l (10g/l), (30g/kg) + Tebuconazole 260g/l (10g/l), (10g/kg) + Tricyclazole 10g/l (400g/l), (760g/kg)	Natitop 280EW, 420SC, 800WP	**280EW, 800WP:** lem lép hạt/lúa **420SC:** đạo ôn/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
542	Propineb 70% + Triadimefon 5%	ARC-carder 75WP	Lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/cà phê, đốm vòng/ khoai tây	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến

543	Propineb 542g/kg + Tricyclazole 150g/kg	Felling 692WP	Đốm lá/lạc	Công ty CP Nông dược HAI
544	Propineb 613g/kg + Trifloxystrobin 35g/kg	Activo super 648WP	Thán thư/xoài, thán thư/cà phê, sương mai/ hành, phấn trắng/nho	Công ty CP NN HP
		Flint pro 648WG	Đạo ôn/lúa; thán thư/ớt, xoài, dưa chuột, dưa hấu, nhãn; đốm lá/bắp cải, cà chua; mốc xám/rau cải	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
545	Protein amylose	Vikny 0.5SL	Thối nhũn/bắp cải; thán thư/ớt, dưa hấu; bạc lá/lúa; xử lý hạt giống bệnh lúa von/lúa, thối nhũn/hành, loét vi khuẩn/cam, lép vàng vi khuẩn, thối gốc vi khuẩn/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
546	Prothioconazole (min 95%)	Midas 30OD	Rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH ĐT và PT Ngọc Lâm
		Navypro 300SC	Đốm nâu/thanh long, thán thư/xoài	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		TT Tadol 480SC	Thán thư/xoài	Công ty TNHH TM Tân Thành
547	Prothioconazole 200 g/l + Tebuconazole 200 g/l	Mdanzole 400SC	Rỉ sắt/đậu tương	Công ty TNHH MTV Mạnh Đan
548	Prothioconazole 175 g/l + Trifloxystrobin 150 g/l	Trithizole 325SC	Thán thư/hoa hồng	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
549	*Pseudomonas fluorescens*	B Cure 1.75WP	Đốm nâu, đốm gạch, lúa von, khô đầu lá, thối bẹ, đạo ôn, khô vằn/lúa; đốm lá, giả sương mai, lở cổ rễ/đậu tương; lở cổ rễ/cà chua, ớt; mốc xám/nho	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		TKS-Anti PhytopWP	Chết nhanh/hồ tiêu, thán thư/chanh	Công ty TNHH Thủy Kim Sinh
		Topfast 311WP	Héo xanh vi khuẩn/cà chua	Công ty CP Ace Biochem Việt Nam

550	Pydiflumetofen (min 98%)	Miravis® 200SC	Phấn trắng/ớt	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
551	Pyraclostrobin (min 95%)	Coranto 250SC	Sương mai/khoai tây	Công ty CP ĐT Hợp Trí
		Eva 250SC	Rỉ sắt/đậu tương	Công ty TNHH MTV Long An
		Hi-top 250SC	Rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Global Farm
		Kaiser 250EC	Ghẻ sẹo/cam	Công ty Cổ phần Nicotex Nam Thái Dương
		Mastery 25SC	Mốc sương/khoai tây	Công ty TNHH Agro Việt
		Mdbin 250SC	Rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH MTV Mạnh Đan
		Pilino 250SC	Đốm lá nhỏ/ngô	Công ty CP Hóc Môn
		Tanzent 20WG	Thán thư/cà phê	Công ty TNHH Hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ
552	Pyraclostrobin 7% + Tebuconazole 28%	Goruden 350SC	Rỉ sắt/ngô, lạc	Beijing Bioseen CropSCiences Co., Ltd
553	Pyraclostrobin 115 g/l + Tebuconazole 230 g/l	Pilartep 345SC	Rỉ sắt/cà phê	Pilarquim (Shanghai) Co. Ltd.
554	Pyraclostrobin 8% + Tebuconazole 37%	BN-Tepy 45WP	Rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Bảo Nông Việt
555	Pyraclostrobin 10% + Thifluzamide 10%	Gongfu 20SC	Thán thư/hồ tiêu	Beijing Bioseen CropSCiences Co., Ltd
556	Pyrimethanil (min 95%)	Rovia 420SC	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Được Mùa
		Tilsom 400SC	Thối nhũn/hành	Công ty TNHH Trường Thịnh
557	Pyrimidine Nucleotide Antibiotic	Mai 007 5SL	Giả sương mai/dưa chuột, đạo ôn/lúa, thán thư/xoài	Công ty CP ĐT Hợp Trí
558	Quaternary Ammonium Salts	Physan 20SL	Thối thân, thối hạt vi khuẩn, bạc lá, đạo ôn, lem lép hạt/lúa; lúa von/lúa; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su, thối nhũn/phong lan	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng Hậu Giang

559	*Rhodopseudomonas palustri* PSB-S	SunflySC	Sương mai/cà chua	Công ty TNHH Á Châu Hóa sinh
560	*Rhodovulum sulfidophilum* HNI-1	UpriseSC	Sương mai/cà chua, đốm lá vi khuẩn/ớt, đốm nâu/thanh long	Công ty CP Ace Biochem Việt Nam
561	Saisentong (min 95%)	Visen 20SC	Bạc lá, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
562	Salicylic Acid	Bacla 50SC	Bạc lá, khô vằn/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Exin 4.5SC	**4.5SC:** (Exin R) đạo ôn, bạc lá/lúa, chết nhanh/hồ tiêu **4.5SC:** (Phytoxin VS): héo tươi/cà chua	Công ty TNHH ứng dụng công nghệ Sinh học
563	*Streptomyces lydicus* WYEC 108	Actinovate 1 SP	Thối thân, lem lép hạt/lúa; thán thư, mốc xám, thối nứt trái do vi khuẩn, thối thân, thối rễ/nho, dâu tây; sương mai, phấn trắng, thán thư, nứt dây chảy nhựa/dưa hấu, dưa chuột, bầu bí; thối nhũn do vi khuẩn, thối thân, thối rễ, phấn trắng, mốc xám, đốm vòng/phong lan; héo rũ do vi khuẩn, thán thư, thối trái/khoai tây, cà chua, ớt, bắp cải; thán thư, phấn trắng, ghẻ loét, thối trái, xì mủ thân, vàng lá, thối rễ/cam, sầu riêng, xoài, nhãn, vải; tuyến trùng/hồ tiêu; thối nhũn/bắp cải, đốm vòng/hành, thối búp/chè	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
564	*Streptomyces lydicus* WYEC 108 1.3% + Fe 21.9% + Humic acid 47%	Actino-Iron 1.3 SP	Thối thân, lem lép hạt/lúa; thán thư, mốc xám, thối nứt trái do vi khuẩn, thối thân, thối rễ/nho, dâu tây; sương mai, phấn trắng, thán thư, nứt dây chảy nhựa/dưa hấu, dưa chuột, bầu bí; thối nhũn do vi khuẩn, thối thân, thối rễ, phấn trắng, mốc xám, đốm vòng/phong	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng

			lan; héo rũ do vi khuẩn, thán thư, thối trái/khoai tây, cà chua, ớt, bắp cải; thán thư, phấn trắng, ghẻ loét, thối trái, xì mủ thân, vàng lá, thối rễ/cam, sầu riêng, xoài, nhãn, vải	
565	*Streptomycin sulfate*	Acstreptocinsuper 40TB	Thối nhũn/bắp cải; thán thư/thanh long, sẹo/cam	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Goldnova 200WP	Bạc lá/lúa; thối nhũn/xà lách	Công ty TNHH An Nông
		Kaisin 100WP	Thối nhũn/bắp cải, bạc lá, lem lép hạt/lúa, sẹo/cam, giả sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH Việt Thắng
		Liberty 100WP	Thối nhũn/bắp cải, bạc lá/lúa, loét/cam	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Poner 40TB, 40SP	Thối nhũn/bắp cải	Công ty TNHH MTV Tô Nam Biotech
		Stepguard 100SP, 150TB	**100SP:** thối nhũn/bắp cải; bạc lá/lúa **150TB:** bạc lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Strepgold 100WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Supervery 50WP	Đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá/lúa; sẹo/cam; thối quả/vải, xoài; sương mai/cà chua	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Yomistar 105WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
566	Sulfur	Kumulus 80WG	Sẹo/cam, phấn trắng/xoài, nhện gié/lúa, nhện đỏ/cà phê, phấn trắng/cao su	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Fulac 80WG, 80WP, 500SC	**80WG:** nhện gié/lúa **80WP:** nhện đỏ/cam **500SC:** phấn trắng/cao su	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Lipman 80WG	Phấn trắng/xoài; nhện gié/lúa; sẹo/cam; phấn trắng/cao su, chôm chôm	Công ty CP Nông dược HAI

		Microthiol Special 80WG, 80WP	**80WG:** phấn trắng/nho, chôm chôm; nhện/cam **80WP:** phấn trắng/rau cải, đốm lá/ngô	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		OK-Sulfolac 80WG, 80WP, 85SC	**80WG:** phấn trắng/xoài, chôm chôm **80WP:** phấn trắng/nho **85SC:** sẹo, nhện đỏ/cam; lem lép hạt/lúa; nhện lông nhung/nhãn, nhện gié/lúa	Công ty TNNH Ngân Anh
		Sulfurluxthai 80WG	Thán thư/vải	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
		Sulox 80WP	Phấn trắng/xoài, cao su; đốm lá/lạc; nhện gié/lúa; nhện lông nhung/vải, nhãn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
567	Sulfur 100g/kg + Tebuconazole 250g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Novitop 850WP	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông Việt
568	Sulfur 2% (2%), (7%)+ Tricyclazole 40% (75%), (75%)	Vieteam 42SC, 77WG, 82WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
569	Sulfur 50g/kg + Tricyclazole 700g/kg	Bibim 750WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
570	Sulfur 250g/kg + Tricyclazole 500g/kg	StarBem Super 750WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
571	Sulfur 450g/l (655g/kg)+ Tricyclazole 200g/l (200g/kg)	Bimsuper 650SC, 855WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH An Nông
572	Sulfur 35% + Tricyclazole 50%	Labem 85WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
573	Sulfur 350g/kg + Tricyclazole 225g/kg	Lionsul 575WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng Hậu Giang
574	Tebuconazole (min 95%)	Conaxel 150SC	Thán thư/hồ tiêu, thối cổ rễ/cà phê	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông

		Folicur 250EW, 250WG, 430SC	**250EW:** đốm lá/lạc; khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/lúa; thán thư/điều; chết chậm/hồ tiêu **250WG:** khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa **430SC:** khô vằn, lem lép hạt/lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa; đốm lá/lạc, chết chậm/hồ tiêu, vàng rụng lá/cao su	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Forlita 250EW, 430SC	**250EW:** khô vằn, lem lép hạt/lúa; chết cây con, đốm lá/lạc; đốm lá/đậu tương **430SC:** khô vằn, lem lép hạt/lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa, đốm lá/đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
		Fortil 25SC	Khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Fozeni 250EW	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nicotex
		Huibomb 25EW	Khô vằn/lúa	Huikwang Corporation
		Jiacure 25EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Milazole 250EW	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Poly annong 250EW, 250EC, 450SC	**250EW, 250EC:** lem lép hạt/lúa **450SC:** xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa; khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Poticua 250EW	Lem lép hạt/lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa; chết cây con/lạc	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Provil 30EW, 450SC	**30EW:** lem lép hạt, đạo ôn/lúa **450SC:** lem lép hạt, đạo ôn/lúa; phấn trắng/ hoa hồng; chết chậm/hồ tiêu	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Sforlicuajapane 450SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

		Sieu tin 300EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		T.B.Zol 250EW	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thanh Điền
		Tebuzole 250SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Thianzole 12.5EW	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Tien 250EW	Khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		T-zole super 250EW, 250SC	**250EW:** đốm lá/đậu tương, đốm nâu/lạc, đốm vòng/khoai môn **250SC:** lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Vitebu 250SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
575	Tebuconazole 160g/l + Tricyclazole 200g/l	Beam™ Plus 360SC	Đạo ôn/lúa	Dow AgroSciences B.V
576	Tebuconazole 125g/l (130g/l) + Tricyclazole 400g/l (450g/l)	Dolalya 525SC, 580EC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
577	Tebuconazole 250 g/l + Tricyclazole 275g/l	Gold-dog 525SC	Rỉ sắt/cà phê, thán thư/điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
578	Tebuconazole 500g/kg + Tricyclazole 200g/kg	Tivaho 700WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
579	Tebuconazole 250g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Map Unique 750WP	Đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa; đốm lá/lạc, thán thư, rỉ sắt/cà phê, xử lý hạt giống trừ lúa von/lúa	Map Pacific PTE Ltd
580	Tebuconazole 250g/kg + Tricyclazole 550g/kg	Novigold 800WP	Đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa	Công ty CP Nông Việt
581	Tebuconazole 32% + Trifloxystrobin 16%	Huge 48SC	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Bigfive Việt Nam

582	Tebuconazole 250g/kg + Trifloxystrobin 250g/kg	TT-Bastigold 500SC	Thán thư/hồ tiêu	Công ty TNHH TM Tân Thành
583	Tebuconazole 500g/kg + Trifloxystrobin 250g/kg	Activo 750WG	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		BC-Latino 750WP	Rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Biocrop
		Conabin 750WG	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Nativo 750WG	Lem lép hạt, khô vằn, đạo ôn/lúa; rỉ sắt/cà phê, lạc, đậu tương; thán thư/hoa hồng, điều, cà phê; đốm lá/hoa cúc, hồ tiêu; phấn trắng/hoa hồng; thán thư, bệnh sọc đen/ca cao; đốm vòng/khoai tây; khô vằn/ngô; đốm lá/ngô	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Tanimax 750WG	Đốm lá/hồ tiêu	Công ty TNHH SX & KD Tam Nông
		Triflo-top 750WG	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Twinstar 75WG	Rỉ sắt/cà phê	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
584	Tetraconazole (min 94%)	Domark 40 ME	Rỉ sắt/cà phê, hoa cúc	Isagro S.p.A Centro Uffici S. Siro, Italy
585	Tetramycin	Mikcide 1.5SL	Bạc lá, đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; thối nhũn, thối đen gân lá/bắp cải; chết xanh/dưa hấu; héo rũ/thuốc lá, cà phê, cà chua; loét/cam; thối thân/nho; phấn trắng/hoa hồng; vàng rụng lá/cao su; đốm nâu/thanh long	Công ty TNHH Được Mùa
586	Thảo mộc (Bã quả trẩu, bã thanh hao hoa vàng, bã vỏ hạt điều) 70% + *Trichoderma harzianum* 10^6 cfu/g + *Bacillus subtilis* 10^6 cfu/g + *Metarhizium anisopliae* 10^6 cfu/g +	SH-Lifu (SH-BV1)	Chết nhanh, chết chậm, tuyến trùng/hồ tiêu	Viện Bảo vệ thực vật

	Azotobacter beijerinckii 10^6 cfu/g + *Bacillus gisengihumi* 10^6 cfu/g + *Streptomyces owasiensis* 10^6 cfu/g			
587	Tinh dầu quế	Tiêu tuyến trùng 18EC	Tuyến trùng/cà rốt, hồ tiêu, cà phê	Công ty CP VT NN Việt Nông
588	Thiabendazole (min 98.5%)	Bestar 505SC	Lem lép hạt do vi khuẩn/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
589	Thifluzamide (min 96%)	BC-thizamide 240SC	Khô vằn/ngô	Công ty TNHH Biocrop
		Pulsor 23SC	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
		Shiral 240SC	Khô vằn/ngô	Công ty TNHH ADU Việt Nam
590	Thiodiazole copper (min 95%)	Longbay 20SC	Bạc lá/lúa, xì mủ, nấm hồng, vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH Trường Thịnh
591	Thiodiazole zinc (min 95%)	Anti-one 200SC	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Lk-one 50SC	Bạc lá/lúa, sẹo/cam	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
592	Thiram (TMTD) (min 96%)	Newthiram 800WP	Thán thư/cà phê	Công ty CP S New Rice
		Pro-Thiram 80WP, 80WG	**80WP:** đốm lá/phong lan **80WG:** khô vằn/lúa, thán thư/cà phê	Agspec Asia Pte Ltd
		Scortlan 80WP, 80WG	**80WP:** đốm lá/đậu tương, lạc **80WG:** cháy lá/hoa mai	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
593	Thiram 30% + Ziram 50%	Zipra 80WP	Thán thư điều, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
594	Triadimefon (min 96%)	Encoleton 250WP	Thối gốc/khoai tây, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Omega-mefon 15WP	Đốm lá/đậu tương, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Omega

595	Triadimenol (min 97%)	Bayfidan 250EC	Rỉ sắt/cà phê	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Samet 25EC	Phấn trắng/cao su, rỉ sắt/cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
596	*Trichoderma spp*	Bio-Pro Tricho 1 x 10^9 bào tử/g FG	Chết rạp cây con/cà rốt	Công ty TNHH Dalat Hasfarm
		Promot PlusWP (*Trichoderma spp* 5.10^7 bào tử/g); Promot PlusSL (*Trichoderma koningii* 3.10^7 bào tử/g + *Trichoderma harzianum* 2.10^7 bào tử/g)	**WP:** thối gốc, thối hạch/bắp cải; chết cây con/cải thảo **SL:** đốm nâu, đốm xám/chè; thối hạch, thối gốc/bắp cải	Công ty TNHH Ngân Anh
		TRICÔ-ĐHCT 10^8 bào tử/g	Vàng lá thối rễ do *Fusarium solani*/cây có múi; chết cây con/dưa hấu, bí đỏ, lạc, điều; thối rễ/cà phê; tuyến trùng/cà phê, hồ tiêu; chết cây con/cải bẹ; thối rễ/hồ tiêu; tuyến trùng/cà rốt, sưng rễ/bắp cải	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Vi - ĐK 10^9 bào tử/g AP	Thối rễ/sầu riêng; lở cổ rễ/cà chua; chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
597	*Trichoderma harzianum* 4% + *Trichoderma konigii* 1%	Tiên tiến 5WP	Đạo ôn/lúa	Công ty Hợp danh SH NN Sinh Thành
598	*Trichoderma harzianum*	Zianum 1.00WP	Chết rạp cây con/cải cúc, lở cổ rễ/cà chua, thối rễ/hồ tiêu, thán thư/hành, thanh long; tuyến trùng/cà phê	Công ty CP Hóc Môn
599	*Trichoderma asperellum* 80% (8 x 10^7 bào tử/g) + *Trichoderma atroviride* Karsten 20% (2 x 10^7 bào tử/g)	TricôĐHCT-Lúa von 10^8 bào tử/gWP	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa; khô vằn/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời

600	*Trichoderma virens* J.Miller, Giddens & Foster 80% (8 x 10^7 bào tử/g) + *Trichoderma hamatum* (Bon.) Bainer 20% (2 x 10^7 bào tử/g)	TricôĐHCT-Phytoph 10^8 bào tử/gWP	Loét sọc miệng cạo/cao su; xì mủ/bưởi, sầu riêng, chết nhanh/hồ tiêu; thối quả/vải; thối quả/nhãn; đốm nâu/thanh long; sương mai/cà chua, khoai tây	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
601	*Trichoderma viride* Pers. 75% (7.5 x 10^7 bào tử/g) + *Trichoderma harzianum* Rifai BGB 25% (2.5 x 10^7 bào tử/g)	Tricô ĐHCT-Nấm hồng 10^8 bào tử/gWP	Nấm hồng/cao su, cà phê, sầu riêng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
602	*Trichoderma sperellum* 80% (8 x 10^7 bào tử/g + *Trichoderma harzianum* Rifai 20% (2 x 10^7 bào tử/g)	Tricô ĐHCT-Khóm 10^8 bào tử/gWP	Thối nõn/dứa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
603	*Trichoderma konigii* M8; M32; M35 1 x 10^9 CFU/g	Tricô hạt nhân C833 1 x 10^9 CFU/gWP	Tuyến trùng/cà phê	Công ty TNHH Tam Nông
604	*Trichoderma virens* (T.41).10^9 cfu/g	NLU-Tri	Chết rạp cây con/cải ngọt, dưa chuột; héo rũ trắng gốc/cà chua	Trường ĐH Nông lâm TP Hồ Chí Minh
605	*Trichoderma viride*	Ace tricov 19WP	Thối rễ/ớt	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Biobus 1.00WP	Thối gốc, thối hạch, lở cổ rễ/bắp cải; héo vàng, lở cổ rễ, mốc sương/cà chua, khoai tây; thối nhũn, đốm lá/hành; thán thư/xoài; xì mủ/sầu riêng; rỉ sắt, nấm hồng, thối gốc rễ, lở cổ rễ/cà phê; chấm xám, thối búp/chè; chết nhanh, thối gốc rễ/hồ tiêu	Công ty TNHH Nam Bắc
606	Tricyclazole (min 95%)	Acdowbimusa 75WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
		Andozol 75WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân

		Angate 75WP, 350SC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Avako 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM Thái Nông
		Bamy 75WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Nicotex
		Beam® 75WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Belazole 75WP	Đạo ôn/lúa	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Bemgreen 750WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Bemsuper 500SC, 750WG, 750WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Bidizole 750WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP SAM
		Bim-annong 45SC, 75WP, 75WG	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Bimdowmy 375SC, 750WG, 750WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Bimusa 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Binlazonethai 75WP, 75WG	Đạo ôn/lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Binhtryzol 75WP	Đạo ôn/lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Blastogan 75WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Bn-salatop 80WP, 80WG	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt

		Bpbyms 200WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Bsimsu 75WG, 555SC, 880WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
		Cittizen 75WP, 333SC	Đạo ôn/lúa	Eastchem Co., Ltd
		Colraf 20WP, 75WG	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Danabin 75WP, 80WG	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh - Rê
		Dolazole 80WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Forbine 75WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Thanh Điền
		Flash 75WP, 800WG	Đạo ôn/lúa	Map Pacific PTE Ltd
		Frog 750WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH ADC
		Fullcide 50SC, 760WG, 860WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
		Goldone 420SC, 760WG, 75WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Gremusamy 80WP, 80WG	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Hagro.Blast 75WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Hobine 75WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Hóc Môn
		Jiabean 75WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Kennedy 75WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
		Koszon-New 75WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH OCI Việt Nam

		Lany 75WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Lazole TSC 750WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
		Lim 750WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Newbem 750WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH SX TM & DV Nông Tiến
		Newzobim 45SC, 75WG, 80WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH US.Chemical
		Pim.pim 75WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH P - H
		Pin ấn độ 75WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Phong Phú
		Sieubymsa 75WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Superzole 75WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Long Hiệp
		Tanbim 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Tri 75WG	Đạo ôn, khô vằn/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Tricom 75WG, 75WP	**75WG:** đạo ôn/lúa, xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa **75WP:** đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Tridozole 45SC, 75WP, 75WG	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Trione 750WG	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
		Trizole 75WP, 75WG, 400SC	**75WP, 75WG:** đạo ôn lá, cổ bông/lúa **400SC:** đạo ôn/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn

		Uni-trico 75WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Usabim 75WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Vật tư Liên Việt
		Vace 75WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Nông Việt
		Vdbimduc 820WG	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Vibimzol 75WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Window 75WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Zoletigi 80WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
607	Tricyclazole 200g/kg + Sulfur 650 g/kg	Centerdorter 850WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Liên minh Nông nghiệp bền vững
608	Tricyclazole 720g/kg + Sulfur 140g/kg	Grinusa 860WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
609	Tridemorph (min 95%)	Musaclean 860OL	Phấn trắng/cao su	Rotam Asia Pacific Limited
610	Trifloxystrobin (min 96%)	Bao ngu coc 500WG	Thán thư/ca cao	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Kora 250SC	Rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
611	Triflumizole (min 99.38%)	TT-Akazole 480SC	Đạo ôn/lúa, lở cổ rễ/hồ tiêu	Công ty TNHH TM Tân Thành
612	Triforine (min 97%)	Saprol 190DC	Phấn trắng/hoa hồng, đạo ôn/lúa, thán thư/xoài, đốm nâu/thanh long	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
613	Tổ hợp dầu thực vật (dầu màng tang, dầu sả, dầu hồng, dầu hương nhu, dầu chanh)	TP-Zep 18EC	Đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt, đốm sọc vi khuẩn, khô vằn/lúa; mốc sương/cà chua; đốm nâu, đốm xám, thối búp/chè; phấn trắng, đốm đen/ hoa hồng; nấm muội đen (Capnodium sp)/nhãn	Công ty TNHH Thành Phương
614	Validamycin (Validamycin A) (min 40%)	Anlicin 5WP, 5SL	**5WP:** khô vằn/lúa **5SL:** khô vằn/lúa; nấm hồng/cà phê, cao su	Công ty TNHH An Nông

		Asiamycin super 100SL	Khô vằn/lúa, nấm hồng/cao su	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd
		Avalin 5SL	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Biovacare 5SL	Nấm hồng/cao su	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Damycine 5WP, 5SL	Khô vằn/lúa, lở cổ rễ/rau cải; thối rễ/cà chua, khoai tây, bông vải, ngô; héo rũ/cà chua, khoai tây, lạc, dưa chuột; nấm hồng/cao su	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Duo Xiao Meisu 3SL, 5WP	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Fubarin 20WP	Khô vằn/lúa; lở cổ rễ/đậu tương, lạc; nấm hồng/cao su	Công ty TNHH Nông Sinh
		Haifangmeisu 5WP, 10WG, 10SL	**5WP:** khô vằn/lúa **10WG:** khô vằn/lúa, chết cây con/dưa hấu **10SL:** chết cây con/dưa hấu	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan
		Javidacin 5SL, 5WP	**5SL:** khô vằn/lúa; nấm hồng/cao su **5WP:** khô vằn/lúa; lở cổ rễ/cà chua	Công ty TNHH Việt Đức
		Jinggangmeisu 5SL, 10WP	Khô vằn/lúa, nấm hồng/cao su	Công ty CP Nicotex
		Limycin 5SL	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH TM Thiên Nông
		Natistar 51WG, 100SC	Khô vằn/lúa	Công ty CP Vagritex
		Navalilusa 5SL, 5WP	Khô vằn/lúa; chết ẻo cây con/ớt, bắp cải, thuốc lá, dưa hấu.	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Pinkvali 5SL, 50WP	**5SL:** nấm hồng/cao su, đốm vằn/lúa **50WP:** lở cổ rễ/cà chua, khô vằn/lúa	Công ty CP Hóc Môn

		Qian Jiang Meisu 5WP, 5SL	**5WP:** khô vằn/lúa **5SL:** lở cổ rễ/đậu tương; nấm hồng/cà phê, cao su; khô vằn/lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Romycin 5SL	Nấm hồng/cao su	Công ty CP TST Cần Thơ
		Tidacin 3SC, 5SL	Khô vằn/lúa, nấm hồng/cao su	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Top-vali 5SL	Mốc hồng/cà phê, cao su; khô vằn/lúa	Công ty TNHH SX ND vi sinh Viguato
		Tung vali 5SL, 5WP	**5SL:** khô vằn/lúa, nấm hồng/cao su, lở cổ rễ/ rau cải, cà chua, ớt, bí xanh, dưa hấu, dưa chuột, đậu tương, thuốc lá; bệnh khô cành/cà phê **5WP:** khô vằn/lúa, lở cổ rễ/rau cải, cà chua, ớt, bí xanh, dưa hấu, dưa chuột, đậu tương, thuốc lá; bệnh khô cành/cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Vacin 5SL	Khô vằn/lúa, nấm hồng/cao su	Công ty TNHH ADC
		Vacinmeisu 50WP, 50SL	Khô vằn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Vacony 5SL	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Vacocin 3SL	Khô vằn/lúa	Công ty CP BVTV I TW
		Vali 5SL	Khô vằn/lúa, lở cổ rễ/đậu, nấm hồng/cà phê, cao su	Công ty CP Nông dược HAI
		Valicare 5WP, 8SL	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
		Validad 100SL	Nấm hồng/cao su	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Vali TSC 5SL	Nấm hồng/cao su	Công ty CP Lion Agrevo
		Vali-navi 5SL	Nấm hồng/cao su, khô văn/lúa	Công ty CP Khử Trùng Nam Việt

		Validacin 5SL	Khô vằn/lúa, đổ ngã cây con/ớt, mốc hồng/ cao su	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Validan 3SL, 5WP	**3SL:** khô vằn/lúa, ngô **5WP:** khô vằn/lúa, ngô; chết cây con/dưa hấu, bầu bí, lạc, rau cải, đậu côve	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Valijapane 5SL, 5SP	Nấm hồng/cao su; khô vằn/lúa; lở cổ rễ/lạc, đậu tương, cà phê, bông vải	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Valitigi 3SL	Khô vằn/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Valigreen 50SL, 100WP	Khô vằn/lúa, ngô; nấm hồng/cao su; khô cành/cà phê; thối gốc/khoai tây; lở cổ rễ/bắp cải, bí xanh, đậu đũa, lạc, cà chua	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ Cao
		Valivithaco 3SL, 5SC, 5WP	**3SL:** khô vằn/lúa, ngô; nấm hồng/cao su, cà phê; thán thư/nhãn, vải; lở cổ rễ/thuốc lá, thuốc lào, dưa hấu, dưa chuột, rau cải **5WP:** khô vằn/ngô, lúa; thán thư/nhãn, vải; lở cổ rễ/thuốc lá, thuốc lào, dưa hấu, dưa chuột, rau cải **5SC:** khô vằn/lúa, bệnh chết ẻo/rau cải	Công ty TNHH Việt Thắng
		Valinhut 5SL	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Vallistar 5SL, 10WP	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Valygold 5SL	Khô vằn/lúa	Công ty CP Nông Việt
		Vamylicin 5SL, 5WP	**5WP:** khô vằn/lúa; lở cổ rễ/bắp cải **5SL:** nấm hồng/cao su, khô vằn/lúa; lở cổ rễ/ bắp cải	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Villa-fuji 100SL	Lở cổ rễ/lạc, nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành

		Vanicide 5SL, 5WP	**5SL:** khô vằn/lúa, thối gốc/khoai tây, nấm hồng/cao su, lở cổ rễ/cà chua **5WP:** khô vằn/lúa, ngô; lở cổ rễ/cà chua	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Varison 5WP	khô vằn/lúa	Công ty TNHH Sơn Thành
		Vida(R) 3SC, 5WP	**3SC:** khô vằn/lúa, thối (gốc, rễ)/rau cải **5WP:** khô vằn/lúa	Công ty CP BVTV I TW
		V-cin 5SL	Khô vằn/lúa, nấm hồng/cao su	Sundat (S) PTe Ltd
		Vivadamy 5SL, 5SP	**5SP:** khô vằn/lúa, mốc hồng/cao su **5SL:** khô vằn/lúa, mốc hồng/cao su, nấm hồng/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Voalyđacyn-nhật 5SL	Khô vằn/lúa, nấm hồng/cao su	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
		Yomivil 108SC, 115WG	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
615	Zineb (min 86%)	Bp-nhepbun 800WP	Thán thư/dưa hấu	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Guinness 72WP	Phấn trắng/nho, cà chua	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Tigineb 80WP	Mốc sương/cà chua, thối quả/cam, quýt; thán thư/cà phê; đốm lá/xà lách xoong, ghẻ sẹo/quýt	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Zinebusa 800WP	Đốm vòng/cà chua	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Zin 80WP	Mốc sương/khoai tây, mốc xanh/thuốc lá, lem lép hạt/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Zineb Bul 80WP	Mốc sương/khoai tây, đốm vòng/cà chua, lem lép hạt/lúa, sẹo/cam, phấn trắng/nho	Agria SA, Bulgaria
		Zinacol 80WP	Rụng lá/cao su	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Zinforce 80WP	Lem lép hạt/lúa, thán thư/dưa hấu	Forward International Ltd
		Zithane Z 80WP	Thối quả/nho, sương mai/cà chua	Công ty CP BVTV I TW

		Zodiac 80WP	Đốm nâu/lúa, mốc sương/cà chua	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
616	Ziram (min 95%)	Ziflo 76WG	Thán thư/cà phê	Agspec Asia Pte Ltd
617	Zhongshengmycin (min 95%)	Map strong 3WP	Bạc lá/lúa; héo xanh/cà chua	Map Pacific PTE Ltd
3. Thuốc trừ cỏ:				
1	1.8-Cineole	Nosiquat 0.2SL	Cỏ/cà phê, cam	Công ty TNHH Nông Sinh
2	Acetochlor (min 93.3%)	Acepro 50EC	Cỏ/ngô	Công ty CP Futai
		Acetad 900EC	Cỏ/ngô	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Acvipas 50EC	Cỏ/ngô, mía	Công ty DV NN & PTNT Vĩnh Phúc
		Alibom 500EC	Cỏ/lạc, sắn	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Antaco 500EC	Cỏ/lạc, sắn, ngô, mía, hành	Công ty TNHH Việt Thắng
		Antacogold 500EC	Cỏ/ngô, sắn, lạc	Công ty TNHH TM - DV Ánh Dương
		Atabar 800EC	Cỏ/ngô, lạc, mía	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Atas 500EC	Cỏ/ngô	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Atasco 500EC	Cỏ/lạc	Công ty TNHH Ô tô Việt Thắng
		Bpsaco 500EC	Cỏ/lạc	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Capeco 500EC	Cỏ/sắn, lạc, ngô, mía	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
		Cochet 200WP	Cỏ/lúa cấy	Công ty CP Nông dược Nhật Thành

		Dibstar 50EC	Cỏ/đậu tương, ngô, bông vải, lạc, sắn	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		DN Tocoi 50EC	Cỏ/ngô	Công ty TNHH TM DV Đức Nông
		Gorop 500EC	Cỏ/ngô, đậu tương, khoai lang, mía	Công ty CP Nông dược HAI
		Herbest 50EC	Cỏ/lạc, bông vải	Công ty TNHH TM - SX Ngọc Yến
		Iaco 500EC	Cỏ/đậu tương	Công ty CP Kỹ thuật Dohaledusa
		Jia-anco 50EC	Cỏ/đậu tương	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Kamaras 50EC	Cỏ/đậu tương	Công ty CP VTNN Việt Nông
		Nistar 500EC	Cỏ/đậu tương	Công ty Cổ phần Nicotex
		Missusa 500EC	Cỏ/đậu tương	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Peso 480EC	Cỏ/lạc, mía, sắn, ngô	Công ty CP Hóc Môn
		Pestcetor 900EC	Cỏ/đậu tương	Công ty CP Xây dựng An Phú
		Safe-co 500EC	Cỏ/ngô	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Saicoba 500EC	Cỏ/sắn, mía, lạc, ngô	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Starco 500EC	Cỏ/lạc	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Tropica 900EC	Cỏ/lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		Valux 500EC	Cỏ/sắn, lạc	Công ty CP Nông nghiệp HP
3	Acetochlor 12% + Bensulfuron Methyl 2%	Beto 14WP	Cỏ/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn

4	Acetochlor 145g/kg + Bensulfuron Methyl 25g/kg	Afadax 170WP	Cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
5	Acetochlor 14.6% (146g/kg) + Bensulfuron Methyl 2.4% (24g/kg)	Acenidax 17WP	Cỏ/lúa cấy	Công ty CP Nicotex
		Arorax 17WP	Cỏ/lúa cấy	Công ty TNHH Việt Thắng
		Bpanidat 170WP	Cỏ/lúa cấy	Công ty TNHH TM Bình Phương
6	Acetochlor 42g/kg (210g/kg) + Bensulfuron Methyl 8g/kg (40g/kg)	Aloha 5GR, 25WP	**5GR:** cỏ/lúa gieo thẳng **25WP:** cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
7	Acetochlor 14.0% + Bensulfuron Methyl 0.8% + Metsulfuron Methyl 0.2%	Natos 15WP	Cỏ/lúa cấy	Công ty CP Nicotex
8	Acetochlor 200 g/kg + Bensulfuron Methyl 45g/kg + Metsulfuron methyl 5g/kg	Alphadax 250WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
9	Acetochlor 16% (500g/l) + Bensulfuron Methyl 1.6% (0.3g/l) + Metsulfuron Methyl 0.4% (0.2g/l)	Sarudo 18WP, 500.5EC	**18WP:** cỏ/lúa cấy **500.5EC:** cỏ/sắn, lạc, đậu tương	Công ty TNHH An Nông
10	Acetochlor 160g/kg + Bensulfuron Methyl 16g/kg + Metsulfuron Methyl 4g/kg	Sun-like 18WP	Ccỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
11	Acetochlor 470g/l + Butachlor 30g/l	Rontatap 500EC	Cỏ/đậu tương	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
12	Acetochlor 180g/kg (10g/l) + Metolachlor 15g/kg (725g/l)	Duaone 195WP, 735EC	**195WP:** cỏ/lúa cấy **735EC:** cỏ/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
13	Acetochlor 410g/l + Oxyfluorfen 40g/l	Catholis 450EC	Cỏ/lạc	Công ty CP BVTV I TW

14	Acetochlor 15g/l + Pretilachlor 285g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Nomefit 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Việt Nam
15	Acetochlor 160g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 40g/kg	Blurius 200WP	Cỏ/lúa cấy	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
16	Ametryn (min 96%)	Amesip 80WP	Cỏ/mía, ngô	Forward International Ltd
		Ametrex 80WP, 80WG	Cỏ/mía	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Amet annong 500FW, 800WP	**500FW:** cỏ/mía, cà phê **800WP:** cỏ/mía	Công ty TNHH An Nông
		Ametsuper 80WP	Cỏ/mía, ngô	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Aptramax 800WP	Cỏ/ngô	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Asarin 800WP	Cỏ/mía	Công ty TNHH Việt Thắng
		Atryl 80WP	Cỏ/ngô, mía	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Dkmetryn 80WG	Cỏ/mía	Công ty TNHH Danken Việt Nam
		Slimgold 510SC, 810WP	Cỏ/mía	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
17	Ametryn 40% (400g/kg) + Atrazine 40% (400g/kg)	Atramet Combi 80WP	Cỏ/mía	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Animex 800WP	cỏ/ngô, mía	Công ty CP Nicotex
		Aviator combi 800WP	Cỏ/mía	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
		Metrimex 80WP	Cỏ/mía	Forward International Ltd
		Wamrincombi 800WP	Cỏ/mía	Công ty TNHH Việt Thắng

18	Ametryn 40% + MCPA-Sodium 8%	Solid 48WP	Cỏ/mía	Công ty CP Nicotex
19	Ametryn 30% + Simazine 50%	T-P.Metsi 80WP	Cỏ/mía	Công ty TNHH TM Thái Phong
20	Amicarbazone (min 96.5%)	Dinamic 700WG	Cỏ/mía	Công ty TNHH UPL Việt Nam
21	Amidosulfuron (min 98%) 10.4% + Florasulam 1.6%	Ω-Flora 12WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
22	Atrazine (min 96%)	Agmaxzime 500SC, 800WP	Cỏ/ngô	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
		Amex gold 800WP	Cỏ/mía	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Atamex 800WP	Cỏ/ngô	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
		Atra 500SC	Cỏ/mía, ngô	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Atra annong 500 FW, 800WP	**500FW:** cỏ/mía, ngô **800WP:** cỏ/ngô	Công ty TNHH An Nông
		Atraco 500SC	Cỏ/ngô	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Atranex 80WP	Cỏ/mía, ngô	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		A-zet 80WP	Cỏ/ngô	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Catrazin 800WP	Cỏ/ngô	Công ty TNHH Phú Nông
		Destruc 800WP	Cỏ/ngô, mía, quế	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Hagumex 800WP	Cỏ/ngô	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Many 800WP	Cỏ/ngô	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc

		Maizine 80WP	Cỏ/ngô, mía	Forward International Ltd
		Mizin 80WP, 500SC	**80WP:** cỏ/mía, ngô **500SC:** cỏ/ngô	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Nitrazin 800WP	Cỏ/ngô	Công ty CP Nicotex
		Sanazine 500SC	cỏ/mía, ngô	Longfat Global Co., Ltd.
		Wamrin 500SL, 800WP	**500SL:** cỏ/ngô, mía **800WP:** cỏ/ngô	Công ty TNHH Việt Thắng
		Zimizin 800WP	Cỏ/ngô	Công ty CP Nông dược Việt Thành
23	Atrazine 29% + Butachlor 19%	Omega-Manchester 48SE	Cỏ/mía, ngô	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
24	Atrazine 34% + Mesotrione 6%	Ω-Ameso 400SC	Cỏ/ngô, mía	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
25	Atrazine 250g/l + Mesotrione 25g/l	Calaris Xtra® 275SC	Cỏ/ngô, mía	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
26	Atrazine 50% + Mesotrione 5%	Logichu 55SC	Cỏ/ngô	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
27	Atrazine 500 g/l + Mesotrione 50 g/l	Metrazin 550SC	Cỏ/ngô	Công ty TNHH TCT Hà Nội
28	Atrazine 76% + Mesotrione 12%	Armaize Xtra 88WG	Cỏ/ngô	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
29	Atrazine 20% + Mesotrione 6%	Zinzin 26SC	Cỏ/ngô	Công ty CP CCD Việt Nam
30	Atrazine 40% + Mesotrione 10%	New Warmrin 500WP	Cỏ/ngô	Công ty TNHH Việt Thắng Hà Nội
31	Atrazine 120g/l + Mesotrione 32g/l + S-metolachlor 320g/l	Lumax 472SE	Cỏ/ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
32	Atrazine 500g/kg + Nicosulfuron 10g/kg	Map hope 510WP	Cỏ/ngô, mía	Map Pacific PTe Ltd

33	Atrazine 48% + Nicosulfuron 4%	Bigzin 52WP	Cỏ/ngô, quế	Công ty CP Bigfive Việt Nam
		Tgold 52WP	Cỏ/ngô	Công ty TNHH Hóa sinh Việt Nhật
34	Atrazine 200g/l + Nicosulfuron 40g/l	Anico 240OD	Cỏ/mía, sắn	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
35	Atrazine 72% + Nicosulfuron 8%	Nicomaize 80WG	Cỏ/ngô	Công ty CP Nông nghiệp CMP
36	Atrazine 14% + Propisochlor 26%	Ω-APISO 40SE	Cỏ/ngô, mía	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
37	Atrazine 300g/l + Sulcotrione (min 95%) 125g/l	Topical 425SC	Cỏ/ngô	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
38	Bensulfuron Methyl (min 96%)	Beron 10WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Bensurus 10WP	Cỏ/lúa cấy	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Furore 10WP, 10WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Loadstar 10WP, 60WG	**10WP:** cỏ/lúa gieo thẳng **60WG:** cỏ/lúa cấy	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Mullai 100WP, 100WG	Ccỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Rorax 10WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Sharon 100WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Sulzai 10WP	Cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Vật tư BVTV Phương Mai
39	Bensulfuron Methyl 12% + Bispyribac-sodium 18%	Honixon 30WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex

40	Bensulfuron Methyl 0.16g/kg + Butachlor 3.04g/kg	Apoger 3.2GR	Cỏ/lúa cấy	Công ty CP Chuyển giao tiến bộ KTNN Nicotex
		Apogy 3.2GR	Cỏ/lúa cấy	Công ty CP Nicotex
		One-tri 3.2GR	Cỏ/lúa cấy	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
41	Bensulfuron Methyl 1.5% + Butachlor 28.5% + Chất an toàn Fenclorim 10%	Bé bụ 30WP, 30SE	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
42	Bensulfuron Methyl 100g/kg + Cyhalofop butyl 50g/kg + Quinclorac 300g/kg	Haly super 450WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
43	Bensulfuron Methyl 63g/kg (1g/l) + Cyhalofop Butyl 1g/kg (1g/l) + Quinclorac 343g/kg (255g/l)	Topsuper 407WP, 257SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
44	Bensulfuron Methyl 20g/kg + Mefenacet 660g/kg	Danox 68WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
45	Bensulfuron Methyl 30g/kg + Mefenacet 500g/kg	Acocet 53WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Thái Nông
46	Bensulfuron Methyl 4% + Mefenacet 46%	Wenson 50WP	cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh
47	Bensulfuron Methyl 4% + Pretilachlor 36%	Queen soft 40WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Công nghiệp Khoa học Mùa màng Anh - Rê
48	Bensulfuron Methyl 0.7% + Pyrazosulfuron Ethyl 9.3%	Cetrius 10WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
49	Bensulfuron Methyl 5g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 95g/kg	Sirafb 100WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
50	Bensulfuron Methyl 10g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 100g/kg	Rus-Sunri 110WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng

51	Bensulfuron methyl 0.25g/kg (40g/kg) + Pretilachlor 1.75g/kg (360g/kg)	Droper 2GR, 400WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
52	Bensulfuron Methyl 3.5% + Propisochlor (min 95%) 15%	Fenrim 18.5WP	Cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV I TW
		Fitri 18.5WP	Cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng, lạc	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Pisorim 18.5WP	Cỏ/lúa cấy	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Vitarai 18.5WP	Cỏ/lúa cấy	Công ty TNHH Việt Thắng
53	Bensulfuron Methyl 40g/kg + Propisochlor 160g/kg	Gradf 200WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
54	Bensulfuron Methyl 4% + Quinclorac 28%	Quinix 32WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
55	Bensulfuron Methyl 3% (30g/kg) + Quinclorac 33% (330g/kg)	Cow 36WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Sifata 36WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Subrai 36WP	Cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty TNHH Việt Thắng
		Tempest 36WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
56	Bensulfuron Methyl 50g/kg + Quinclorac 350g/kg	Flaset 400WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
57	Bensulfuron methyl 7% + Quinclorac 33%	Laphasi 40WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Long An

58	Bensulfuron Methyl 6% (60g/l) + Quinclorac 34% (340g/l)	Ankill A 40WP, 40SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
59	Bensulfuron Methyl 90g/l + Quinclorac 450g/l	Newnee 540SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Omofit 540WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nam Nông Phát
60	Bensulfuron methyl 95g/kg (7g/kg) + Quinclorac 5g/kg (243g/kg)	Rocet 100WP, 250SC	**100WP:** cỏ/lúa cấy **250SC:** cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
61	Bensulfuron methyl 40g/kg + Quinclorac 560g/kg	Mizujapane 600WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
62	Bentazone (min 96%)	Basagran 480SL	Cỏ/lúa gieo thẳng	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Benta 480SL	Cỏ/lạc	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Betazol 480SL	Cỏ/lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng VN
		Dktazole 480SL	Cỏ/đậu tương	Công ty TNHH Danken Việt Nam
		Khong lo 480SL	Cỏ/lạc	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Mdbenzone 480SL	Cỏ/đậu tương	Công ty TNHH MTV Mạnh Đan
		Rider 480SL	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ĐT và PT Ngọc Lâm
63	Bentazone 400g/l + MCPA 60g/l	Raingran 460SL	Cỏ/ngô	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
64	Bentazone 10% + Quinclorac 20%	Zoset 30SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV I TW

65	Bentazone 200g/l + Cyhalofop butyl 50g/l + Quinclorac 200g/l	Startup 450SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông Việt
66	Bentazone 400g/l + MCPA 60g/l	Cambio Pro 460SL	Cỏ/lúa gieo thẳng	BASF Vietnam Co., Ltd.
67	Benazolin-ethyl (min 95%) 300g/l + Quizalofop-P-ethyl 50g/l	Shootbis 350EC	Cỏ/lạc	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
68	Benzobicyclon (min 97%)	Ang.tieuco 300SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
69	Bispyribac-sodium (min 93%)	Danphos 10SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Domino 20WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Faxai 10SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Horse 10SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC
		Jianee 10SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Lanina 100SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Maxima 10SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
		Newmilce 100SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Nixon 20WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Nofami 10SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Nomeler 100SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Nominee 10SC, 100OF	**10SC:** cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng **100OF:** cỏ/lúa gieo thẳng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.

		Nonee-cali 10WP, 100SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học CNC American
		Nonider 10SC, 130WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Sipyri 10SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Somini 10SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Sunbishi 10SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Sundat (S) Pte Ltd
		Superminee 10SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Tân Thành
70	Bispyribac-sodium 100g/l + Cyhalofop butyl 200 g/l	TTBye 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Tân Thành
71	Bispyribac-sodium 4% + Cyhalofop-butyl 12%	Nograss 16OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV ATC
72	Bispyribac-sodium 100g/l + Fenoxaprop-P-Ethyl 50g/l	Morclean 150SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
73	Bispyribac-sodium 40g/l + Metamifop 100g/l	Shishi 140SE	Cỏ/lúa gieo thẳng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
74	Bispyriba-sodium 130g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 70g/kg	Nomirius super 200WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóa nông Mỹ Việt Đức
75	Bispyribac-sodium 70g/l + Quinclorac 180g/l	Supecet 250SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
76	Bispyribac-sodium 20g/l + Quinclorac 250g/l	Newday 270SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ hóa chất Nhật Bản Kasuta
77	Bispyribac-sodium 70g/kg + Quinclorac 430 g/kg	Supernee 500WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP CNC Thuốc BVTV USA
78	Bispyribac-sodium 15g/l + Thiobencarb 900 g/l	Bisben 915OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.

79	Bispyribac-sodium 20g/l + Thiobencarb 600g/l	Bêlêr 620OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
80	Butachlor 27% + Chất an toàn Fenclorim 0.2%	B.L.Tachlor 27WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
81	Butachlor (min 93%)	B.L.Tachlor 27WP, 60EC	**27WP:** cỏ/lạc, lúa cấy **60EC:** cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Butaco 600EC	Cỏ/lúa	Công ty CP Đông Nam Đức Thành
		Buta gold 600EC	Cỏ/ngô	Công ty CP Hóa nông AMC
		Butalo 60EC	Cỏ/lạc	Công ty TNHH Master AG
		Butan 60EC	Cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo
		Butanix 60EC	Cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng; cỏ/lạc	Công ty CP Nicotex
		Butavi 60EC	Cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cấy, mạ	Công ty DV NN & PTNT Vĩnh Phúc
		Butoxim 5GR, 60EC	Cỏ/lúa**,** cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Dibuta 60EC	Cỏ/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dietcomam 65EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Echo 60EC, 60EW	**60EC:** cỏ/lúa **60EW:** cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty TNHH TM Phát An
		Forwabuta 5GR, 60EC	Cỏ/lúa	Forward International Ltd
		Heco 600EC	Cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng, lạc, mía, đậu tương	Công ty CP BVTV I TW
		Kocin 60EC	Cỏ/lúa gieo thẳng, lạc	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Lambast 5GR, 60EC	Cỏ/lúa	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến

		Machete 5GR, 60EC	Cỏ/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Meco 60EC	Cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Michelle 5GR, 62EC	Cỏ/lúa	Sinon Corporation, Taiwan
		Saco 600EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Super-Bu 5BR, 60EC	**5BR:** cỏ/lúa cấy **60EC:** cỏ/lúa gieo thẳng, lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Taco 600EC	Cỏ/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Tico 60EC	Cỏ/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Vibuta 5 GR, 62EC	Cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
82	Butachlor 600g/l + chất an toàn Fenclorim 60g/l	Savik 60EC	Cỏ/ngô	Công ty TNHH Summit Agro Việt Nam
83	Butachlor 600g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Burn-co 60EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Sabuta 600EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Trabuta 60EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
84	Butachlor 620g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Miceo 620EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
85	Butachlor 320g/l + chất an toàn Fenclorim 50g/l	Butafit 320EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh
86	Butachlor 30g/l + Cyhalofop butyl 315g/l	Beeco 345EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
87	Butachlor 400g/l + Penoxsulam 10g/l	Rainbow® 410SE	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam

88	Butachlor 30g/l + Pretilachlor 300g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Newfit 330EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
89	Butachlor 50g/l + Pretilachlor 300 g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Newrofit 350EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Omegafit 350EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Topfit one 350EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
		Xofisasia 350EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Cali Agritech USA
90	Butachlor 20g/l + Pretilachlor 300g/l + Chất an toàn Fenclorim 100g/l	Sofigold 320EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
	Butachlor 270g/kg + Pretilachlor 1g/kg	Sofigold 271WP	cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
91	Butachlor 90g/l + Pretilachlor 280g/l + Chất an toàn Fenclorim 100g/l	NewYorkFit-Usa 370EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
92	Butachlor 100g/l + Pretilachlor 300g/l + Chất an toàn Fenclorim 100g/l	Tacogold 400EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
93	Butachlor 270g/kg (1g/l), (241g/l) + Pretilachlor 1g/kg (1g/l), (10g/l) + Propanil 1g/kg (506g/l), (350g/l)	Tecogold 272WP, 508SC, 601EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
94	Butachlor 275g/l + Propanil 275g/l	Butanil 55EC	Cỏ/lúa	Công ty TNHH TM Phát An
		Butapro 550EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông

		Cantanil 550EC	Cỏ/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Danator 55EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Mototsc 550EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo
		Pataxim 55EC	Cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Platin 55EC	Cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP TST Cần Thơ
		Probuta 550EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh
95	Butachlor 250g/l + Propanil 350g/l	Topbuta 600EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
96	Butachlor 350g/l + Propanil 350g/l	Soon 700EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
97	Butachlor 40% + Propanil 20%	Vitanil 60EC	Cỏ/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
98	Butachlor 600 g/l + Pyrazosulfuron Ethyl 35g/l	Trisacousamy 635EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
99	Carfentrazone-ethyl (min 90%)	Chushin 40WG	Cỏ/cam, ngô	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
100	Cinosulfuron (min 92%)	Cinorice 25WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Đồng Xanh
101	Clethodim (min 91.2%)	Cledimsuper 250EC	Cỏ/sắn, vừng, đậu tương, lạc	Công ty TNHH An Nông
		Codasuper 240EC	Cỏ/lạc	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Select 240EC	Cỏ/lạc, đậu tương, sắn, vừng	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Tachac 120EC	Cỏ/đậu tương	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI

		Xeletsupe 24EC	Cỏ/lạc	Công ty TNHH - TM ACP
		Wisdom 12EC	Cỏ/lạc, đậu tương, cỏ/sắn	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
102	Clomazone (min 88%)	Akina 48EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Asiagro Pacific Ltd
		Command 36 ME, 48EC	**36ME:** cỏ/lúa **48EC:** cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH FMC Việt Nam
103	Clomazone 120 g/l + Propanil 270 g/l	Fitter 39EC	Cỏ/lúa	Công ty CP Thịnh Vượng Việt
104	Clopyralid (min 95%)	TĐK_clopy 350SL	Cỏ/ngô	Công ty TNHH MTV Lucky
105	Cyhalofop-butyl (min 97%)	Anlicher 10EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Anstrong 10EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Bangbang 10EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nam Bộ
		Bonzer 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
		Clear Chor 100EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Clincher® 200EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Cybu 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Cyhany 250EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM-SX Ngọc Yến
		Elano 20EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Farra 100EW	Cỏ/lúa gieo thẳng	Eastchem Co., Ltd
		Figo 100EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông nghiệp HP

		Incher 100EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Koler 10EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC
		Liana 100EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Minh Long
		Linchor 100EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
		Linhtrơ 100EC, 200EW	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Nixcher 100ME, 200EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Pullman 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Liên doanh QT Fujimoto
		Slincesusamy 200EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Tacher 250EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Topcyha 110EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Topco 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Tân Thành
106	Cyhalofop butyl 10g/l + Ethoxysulfuron 15g/l	Motin.tsc 25EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo
107	Cyhalofop butyl 315g/kg + Ethoxysulfuron 30g/kg	Super soil 345WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
108	Cyhalofop-butyl 100g/l + Ethoxysulfuron 15g/l	Linchor's 115EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
109	Cyhalofop-butyl 100g/l, (330g/l), (330g/kg) + Ethoxysulfuron 15g/l (3g/l), (3g/kg)	Mortif 115EC, 333OD, 333WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu

110	Cyhalofop-butyl 300g/kg + Ethoxysulfuron 30g/kg	Laroot 330WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
111	Cyhalofop-butyl 300g/l + Ethoxysulfuron 30g/l	Bushusa 330EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Coach 330EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC
		Push 330EC, 330OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Supershot 330OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
112	Cyhalofop Butyl 100g/l (170g/kg) + Ethoxysulfuron 10g/l (30g/kg) + Pyrazosulfuron Ethyl 50g/l (100g/kg) + Quinclorac 190g/l (500g/kg)	Sieuco 350SC, 800WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
113	Cyhalofop butyl 90g/l + Ethoxysulfuron 20g/l + Quinclorac 190 g/l	SupertopJapane 300OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
114	Cyhalofop-butyl 100g/l + Ethoxysulfuron 5g/l + Quinclorac 50g/l	Topone 155SE	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
115	Cyhalofop butyl 100g/l + Ethoxysulfuron 5g/l + Quinclorac 55g/l	Fasta 160SE	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
116	Cyhalofop-butyl 50g/l + Penoxsulam 10g/l	Andoshop 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Anstrong plus 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Calita 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Tân Thành

		Cleanshot 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Clinclip 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Long Hiệp
		Clinton 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông tín AG
		Comprise 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóc Môn
		Compass 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Cypen 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH SX & KD Tam Nông
		Linchor top 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
		Mundo-Super 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Điền Thạnh
		Pymeny 60EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - SX Ngọc Yến
		Ricedoctor 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		Stopusamy 60EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Topgold 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo
		Topmost 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
		Topmy 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Rotam Asia Pacific Limited
		Topnhat 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Topshot® 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
117	Cyhalofop-butyl 100g/l + Florpyrauxifen-benzyl 20g/l	Xevelo® 120EC	Cỏ/lúa sạ	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
118	Cyhalofop butyl 100g/l + Penoxsulam 10g/l	Topvip 110OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Vipes Việt Nam

119	Cyhalofop-butyl 150g/l + Oxaziclomefone (min 96.5%) 150 g/l + Pyrazosulfuron Ethyl 100g/l	Nosotco 400SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
120	Cyhalofop butyl 65g/l + Penoxsulam 10g/l	Het-shots 75OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Cali Agritech USA
121	Cyhalofop-butyl 60g/l + Penoxsulam 10 g/l + Pyrazosulfuron Ethyl 20g/l	Topfull 90SE	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
122	Cyhalofop-butyl 120g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 50g/kg	Econogold 170WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
123	Cyhalofop-butyl 60g/l (600g/kg) + Pyrazosulfuron Ethyl 30g/l (150g/kg)	Tossup 90SC, 750WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
124	Cyhalofop-butyl 50g/l + Pyrazosulfuron Ethyl 10g/l	Đại tướng quân 60EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
125	Cyhalofop butyl 75g/l + Pyrazosulfuron Ethyl 50g/l	Shotplus 125SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
126	Cyhalofop butyl 20% + Pyrazosulfuron Ethyl 5% + Quinclorac 30%	Map fanta 550WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd
127	Cyhalofop-butyl 200g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 50g/kg + Quinclorac 350g/kg	Dietcosuper 600WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
128	Cyhalofop butyl 6.0% + Pyribenzoxim 2.5%	Pyanchor gold 8.5EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
129	Cyhalofop butyl 60g/l + Pyribenzoxim 30g/l	Aman 90EC	Cỏ/lúa	Công ty CP NN HP
130	Cyhalofop butyl 70g/l + Pyribenzoxim 30g/l	ANG-sachco 100EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông

131	Cyhalofop butyl 200g/l + Pyribenzoxim 50g/l	Super rim 250EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
132	Cyhalofop-butyl 150g/kg + Quinclorac 500g/kg	CO- 2X 650WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa nông Mê Kông
133	Cyhalofop butyl 150g/kg + Quinclorac 400g/kg	Pitagor 550WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
134	Dalapon (min 85%)	Dipoxim 80WP	Cỏ/mía, xoài, vùng đất chưa canh tác	Công ty CP BVTV Sài Gòn
135	Dicamba (min 97%)	Rainvel 480SL	Cỏ/cà phê	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
136	Diquat (min 95%)	Aquat235 20SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Kỹ nghệ HGA
		Asaquat 200SL	Cỏ/cao su	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		BC-Weedburn 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH Biocrop
		Cochay 200SL	Cỏ/ngô	Công ty TNHH Us Agro
		Diamond 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Liên doanh QT Fujimoto
		Difast 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Hóa nông AMC
		Diraquat 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Diup 200SL	Cỏ/cao su	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Dkquat 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH Danken Việt Nam
		Falcao 200SL	Cỏ/cao su	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
		Faquatrio 20SL	Cỏ/cao su	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang

		Gama 20SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Gap quat 250SL	Cỏ/cao su	Công ty TNHH Gap Agro
		Hamoxone 200SL	Cỏ/cà phê, cao su	Công ty CP TM Hải Ánh
		Mdiquat 200SL	Cỏ/cao su	Công ty TNHH MTV Mạnh Đan
		Niquat 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Nicotex
		Pgapaxone 200SL	Cỏ/cao su	Công ty TNHH TCT Hà Nội
		Quatdi 200SL	Cỏ/cao su	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		T Flast 200SL	Cỏ/cao su	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
		Takao 250SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP BVTV I TW
		Vietquat 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH TM DV Vietcropchem
		Yonfire 200SL	Cỏ/cà phê	Yongnong Biosciences Co., Ltd
		Zizu gold 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH ADC
137	Diuron (min 97%)	Ansaron 80WP, 500SC	**80WP:** cỏ/mía, cà phê, sắn **500SC:** cỏ/mía	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		BM Diuron 80WP	Cỏ/mía, vùng đất chưa trồng trọt	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd
		Deco Duron 80WP	Cỏ/mía	Công ty CP Giải pháp Nông nghiệp Tiên Tiến
		D-ron 80WP	Cỏ/mía, thanh long	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Karmex® 80WP	Cỏ/mía, chè, sắn	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Go 80WP	Cỏ/mía	Nufarm Malaysia Sdn. Bhd.
		Misaron 80WP	Cỏ/mía, dứa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

		Sanuron 800WP, 800SC	**800WP:** cỏ/mía, cà phê **800SC:** cỏ/bông vải, chè	Forward International Ltd
		Suron 80WP	Cỏ/mía, bông vải	Công ty CP Nông dược HAI
		Trilla plus 80WG	Cỏ/mía	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		Xinron 800WG	Cỏ/mía	Anhui Guangxin Agrochemical Co. Ltd.
		Vidiu 80WP	Cỏ/mía, chè	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
138	Diuron 46.8% (468 g/kg) + Hexazinone (min 95%) 13.2% (132g/kg)	Guang Diu 600WG	Cỏ/mía	Anhui Guangxin Agrochemical Co. Ltd.
		Topcane 60WG	Cỏ/mía	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
139	Diuron 160 g/kg + Glufosinate ammonium 108g/kg	Diusinate 268SC	Cỏ/cao su	Công ty CP BVTV Sài Gòn
140	Ethoxysulfuron (min 94 %)	Canoda 15WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Minh Long
		Map salvo 200WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd
		Moonrice 15WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Kiên Nam
		Run life 15WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Sun-raise nongphat 15WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Sunrice 15WG	Cỏ/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
141	Ethoxysulfuron 20g/l + Fenoxaprop-P-Ethyl 69g/l	Turbo 89OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
142	Ethoxysulfuron 20g/kg + Fenoxaprop-P-Ethyl 69g/kg	T-ptubos 89WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Thái Phong
143	Ethoxysulfuron 35g/l (35g/kg) + MCPA 100g/l	Kiss 150EC, 150WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC

	(100g/kg) + Pyrazosulfuron Ethyl 15g/l (15g/kg)			
144	Ethoxysulfuron 23g/kg + Quinclorac 230 g/kg	Map Top-up 253WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd
145	Florpyrauxifen-benzyl (min 92%)	Loyant® 25EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
146	Florpyrauxifen-benzyl 12.5g/l + Penoxsulam 20g/l	Novixid® 32.5OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
147	Fenoxaprop-P-Ethyl (min 88%)	anRUMA 6.9EC, 75SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Challenger 6.9EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Sundat (S) PTe Ltd
		Golvips 7.5EW	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Quip-s 7.5EW	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Web Super 7.5SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Wipnix 7.5EW	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Whip'S 6.9EC, 7.5EW	**6.9EC:** cỏ/lúa gieo thẳng **7.5EW:** cỏ/lúa, lạc	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
148	Fenoxaprop-P-Ethyl 75g/l (100g/kg) + Pyrazosulfuron Ethyl 50g/l (150g/kg) + Quinclorac 250g/l (225g/kg) + chất an toàn Fenclorim 50g/l (25g/kg)	Runtop 375SC, 775WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
149	Fenoxaprop-P-Ethyl 130g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 70g/kg + Quinclorac 500g/kg	Topgun 700WG, 700WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd.

150	Fenoxaprop-P-Ethyl 8g/l + Pyribenzoxim 50g/l	Pyan-Plus 5.8EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
151	Fenoxaprop-P-Ethyl 1% + Pyribenzoxim 5%	TT-Runny 6EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Tân Thành
152	Flazasulfuron (min 95%)	Voi đỏ 750WP	Cỏ/mía	Công ty TNHH An Nông
153	Fluazifop-P-Butyl (min 90%)	Fuquy 150EC	Cỏ/sắn	Công ty CP BVTV I TW
		Onecide 15EC	Cỏ/lạc, đậu tương, sắn, bông vải, dưa hấu, cam, vừng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Oneness 150EC	Cỏ/lạc	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Sai-one 15EC	Cỏ/lạc, vừng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sinonvictor 15EC	Cỏ/lạc	Sinon Corporation
		Uni-Weedout 15EC	Cỏ/sắn	Công ty TNHH World Vision (VN)
154	Flufenacet (min 95%)	Tiara 60WP	Cỏ/lúa cấy	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
155	Flumetsulam (min 97%)	Omega-Vando 800WG	Cỏ/ngô	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
156	Fluoroglycofen (min 95%) 10 g/l + Glufosinate ammonium 190g/l	Conifa 200ME	Cỏ/cà phê	Công ty CP NN HP
157	Fomesafen (min 95%)	Gorich 250SL	Cỏ/đậu tương	Công ty CP Nông dược HAI
		Hetsure 250SL	Cỏ/đậu tương	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Metit top 250SL	Cỏ/đậu tương	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
		Midori 25SL	Cỏ/đậu tương	Công ty CP Hóc Môn

158	Glufosinate ammonium (min 95%)	Ace gluffit 30SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Ace Biochem Việt Nam
		Andofonat 200SL	Cỏ/hồ tiêu	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		AT-Sinat 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH TM Anh Thơ
		Avansta 150SL	Cỏ/cà phê	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Basta 15SL	Cỏ/ca cao, hồ tiêu, mía, ngô, điều, cà phê	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Bastnate 200SL	Cỏ/cà phê	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Batot 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP SX và TM Hà Thái
		BC-Weedkill 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH Biocrop
		BM Hector 200SL	Cỏ/cà phê	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd.
		BN-Gluxon 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Cháy rụi 150SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông
		Daitai 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH Nam Bộ
		Ebalstar 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Bigfive Việt Nam
		Erase 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH SX và TM HAI Long An
		Fasfix 150SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Fosina 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH Gap Agro
		Gamasate-Pro 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Kỹ nghệ HGA
		Glogger 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Glu-elong 15SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu

		Glufast 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty Cổ phần Nicotex Nam Thái Dương
		Glufo 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Glufo super 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP KHNN Vinacoop
		Glufoca 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
		Glufonate 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH Tấn Hưng Việt Nam
		Glufosat 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
		Glumore 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Thịnh Vượng Việt
		Glunate 150SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Gluriver 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH DV và TM Tân Xuân
		Glusat 200SL	Cỏ/đất không canh tác	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Glusina 20SL	Cỏ/cà phê, cao su	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Glux 200SL	Cỏ/cao su	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
		Goldcao 100SL	Cỏ/cao su	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
		Gussi Bastar 200SL	Cỏ/cà phê, cao su	Công ty CP BMC Việt Nam
		Hallmark 150SL	Cỏ/cao su	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Haydn 150SL	Cỏ/cà phê	Sinon Corporation, Taiwan
		Helmer Brarita 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH B.Helmer
		Herstop 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Đồng Xanh

		Huracan 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Jetstar 18SL	Cỏ/cao su	Công ty TNHH SX & KD Tam Nông
		Jiafosina 150SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Jianon Biotech (VN)
		Kamup 150SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng Hà Nội
		Kaza 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH Danken Việt Nam
		Kenbast 15SL	Cỏ/cà phê	Kenso Corporation (M) Sdn Bhd
		Lưỡi cày 200SL	Cỏ/cao su	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Mazda 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Metxi 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH Vĩnh Nông Phát
		Mobai new 100SL	Cỏ/cà phê, hồ tiêu, cao su	Shanghai Synagy Chemicals Company Limited
		Newfosinate 150SL	Cỏ/cao su	Công ty TNHH TCT Hà Nội
		Nimasinat 150SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Nicotex.
		Novi-grass 18.02SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Hóa chất Nông Việt
		Nuximsuper 20SL	Cỏ/ngô, cao su	Công ty TNHH Phú Nông
		Paricide gold 200SL	Cỏ/cao su	Công ty TNHH Việt Đức
		Pass root 200SL	Cỏ/cà phê, hồ tiêu, cao su	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Phalosat 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH Phát Lộc

		Proof 150SL	Cỏ/điều	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Renato 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Cửu Long
		Rojing 30SL	Cỏ/cà phê	Beijing Bioseen CropSCiences Co., Ltd
		Samsinate 200SL	Cỏ/cao su	Công ty CP SAM
		Samstar 18SL	Cỏ/cao su, cà phê	Công ty CP SX TM và DV Ngọc Tùng
		Sanat 150SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH Summit Agro Việt Nam
		Shina 18SL	Cỏ/cao su, cà phê	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Sinasin 200SL	Cỏ/cà phê	Sinamyang Group Pte Ltd
		Sinate 150SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Hóc Môn
		Sunfosinat 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
		Tarang 280SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Tiguan 150SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Tough Role 150SL	Cỏ/hồ tiêu	Công ty TNHH World Vision (VN)
		T-p glophosi 15SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH TM Thái Phong
		US-sinate 200SL	Cỏ/cao su	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		VT sate 150SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Woncar 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH Wonderful Agriculture (VN)
		Wyncafos 10SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH DV TV ĐT Kim Cương

		Yostar 200SL	Cỏ/cà phê	Yongnong Biosciences Co., Ltd.
159	Glufosinate ammonium 15% + MCPA acid 7%	Quick Star 22SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH Hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ
160	Glufosinate ammonium 200g/l + Imazapyr 50g/l	Obaxim 250SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Nông nghiệp HP
161	Glufosinate-P (min 91%)	Yosky 10SL	Cỏ/cà phê	Yongnong Biosciences Co., Ltd
162	Halosulfuron methyl (min 95%)	Halosuper 250WP	Cỏ/lúa gieo thẳng, mía, ngô	Công ty TNHH An Nông
163	Haloxyfop-R-Methyl (min 94%)	Gallant® Super 108EC	Cỏ/lạc, sắn	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Uni-Kickdown 10EC	Cỏ/lạc	Công ty TNHH World Vision (VN)
164	Haloxyfop-p-methyl (min 94%)	Laoton 108EC	Cỏ/sắn, lạc	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Picaroon 108EC	Cỏ/đậu tương	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
165	Hexazinone 50g/l + Imazapyr 150g/l	Noloco 200SL	Cỏ/cao su	Công ty CP Nông nghiệp HP
166	Imazapic (min 96.9%)	Cadre 240SL	Cỏ/mía, lạc, lúa gieo thẳng	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Imark 70WG	Cỏ/lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
167	Imazapic 175g/kg + Imazapyr 525g/kg	Kifix 70WG	Cỏ/mía	BASF Vietnam Co., Ltd
168	Imazapic 262.5g/l + Imazapyr 87.5g/l	Mayoral 350SL	Cỏ/mía	Công ty TNHH Adama Việt Nam
169	Imazethapyr (min 97%)	Dzo Super 10SL	Cỏ/lạc, đậu tương, đậu xanh	Map Pacific PTE Ltd

		Rutilan 10SL	Cỏ/lạc	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Vezir 240SL	Cỏ/lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
170	Imazosulfuron (min 97%)	Quissa 10SC	Cỏ/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
171	Indanofan (min 97%)	Infansuper 150EC	Cỏ/lúa gieo	Công ty TNHH An Nông
172	Indaziflam (min 93%)	Becano 500SC	Cỏ/cao su, cam, cà phê, chè, thanh long	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
173	Isoxaflutole (min 95%)	Merlin 750WG	Cỏ/ngô	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Sunward 75WG	Cỏ/ngô	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
174	Isoxaflutole 225g/l + Thiencarbazone-methyl 90g/l + chất an toàn Cyprosulfamide 150g/l	Adengo 315SC	Cỏ/ngô	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
175	Lactofen (min 97%)	Combrase 24EC	Cỏ/lạc, sắn	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
176	MCPA (min 85%)	Newco 500SL	Cỏ/ngô	Công ty TNHH US Agro
		Tot 80WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
177	Mefenacet (min 95%)	Mecet 50WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP SX TM Bio Vina
178	Mefenacet 39% + Pyrazosulfuron Ethyl 1%	Fezocet 40WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh
179	Mefenacet 5g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 95g/kg	Pylet 100WP	Cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học CNC American

180	Metamifop (min 96%)	Coannong 200EC	Cỏ/lúa gieo	Công ty TNHH An Nông
		Obatop 100EC	Cỏ/lúa gieo	Công ty TNHH Liên Minh Nông Nghiệp Bền Vững
181	Metazosulfuron (min 88%)	Ginga 33WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
182	Metolachlor (min 96%)	Aqual 960EC	Cỏ/lạc	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Dana - Hope 720EC	Cỏ/lạc, ngô, bông vải	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Hasaron 720EC	Cỏ/đậu tương	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
		Maestro 960EC	Cỏ/lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
183	Metolachlor 32% + Napropamide 3%	Long run 35EC	Cỏ/ngô	Công ty TNHH Hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ
184	Metolachlor 620g/l + Trifluralin 130g/l	Hypeclean 750EC	Cỏ/sắn	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
185	S-Metolachlor (min 98.3%)	Barracuda 960EC	Cỏ/ngô	Công ty TNHH Danken Việt Nam
		Dual Gold ® 960EC	Cỏ/lạc, ngô, đậu tương, bông vải, mía, rau cải, rau mùi, rau muống	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Robust 960EC	Cỏ/ngô	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		S-Maestro 960EC	Cỏ/ngô	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
186	Metribuzin (min 95%)	Sencor 70WP	Cỏ/mía, khoai tây	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
187	Metsulfuron Methyl (min 93%)	Alliance 20WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
		Alyando 200WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh

		Alyalyaic 200WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Alygold 200WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Alyrice 200WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Alyrate 200WG	Cỏ/lúa cấy	Công ty CP Hatashi Việt Nam
		Alyrius 200WG	Cỏ/lúa cấy, đất không trồng trọt	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Anly Gold 200WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Dany 20WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Ally® 20WG	Cỏ/lúa, cao su	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Metsy 20WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Nolaron 20WG	Cỏ/lúa cấy	Công ty CP Long Hiệp
		Soly 20WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Long Hưng
		Super-Al 20WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
188	Metsulfuron methyl 7g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 148g/kg	Newrius 155WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
189	Mesotrione (min 97%)	Kunzin 150SC	Cỏ/ngô	Công ty CP CCD Việt Nam
		Mesoforce 48SL	Cỏ/ngô	Công ty TNHH Danken Việt Nam
		NDMN-trione 400SC	Cỏ/ngô	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Tik grass 15SC	Cỏ/ngô, mía	Công ty CP XNK Thọ Khang
		Tgrass 15SC	Cỏ/ngô	Công ty CP Nông dược Nhật Thành

190	Molinate 327g/l + Propanil 327g/l	Prolinate 65.4EC	Cỏ/lúa	Forward International Ltd
191	Nicosulfuron (min 94%)	Duce 75WG	Cỏ/ngô	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Farich 40SC	Cỏ/ngô	Công ty CP Nông dược HAI
		Luxdan 75WG	Cỏ/ngô	Công ty CP Tập đoàn Điện Bàn
		Minarin 500WP	Cỏ/ngô	Công ty TNHH Việt Thắng
		Samson 6OD	Cỏ/ngô	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		WelkinGold 40SC, 800WP	**40SC:** cỏ/ngô **800WP:** cỏ/ngô, mía	Công ty TNHH An Nông
192	Orthosulfamuron (min 98%)	Kelion 50WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
193	Oxadiargyl (min 96%)	A Safe-super 80WP	Cỏ/lúa cấy	Công ty TNHH BVTV Đại Dương
		Raft® 800WP	Cỏ/lúa, đậu tương, lạc, hành tây	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
194	Oxadiazon (min 94%)	Antaxa 250EC	Cỏ/lạc	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Ari 25EC	Cỏ/ngô, lúa gieo thẳng, lạc	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Binhoxa 25EC	Cỏ/lúa, lạc, đậu tương	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Canstar 25EC	Cỏ/lạc, lúa sạ khô, hành	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Ronata 25EC	Cỏ/đậu xanh	Công ty CP Nicotex
		RonGold 250EC	Cỏ/lúa gieo thẳng, lạc, đậu tương	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Ronstar 25EC	Cỏ/lúa, lạc	Bayer Vietnam Ltd (BVL)

195	Oxadiazon 100g/l + Propanil 304g/l	Calnil 404EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
196	Oxaziclomefone (min 96.5%)	Full house 30SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
197	Oxyfluorfen (min 99.8%)	Goal™ 240EC	Cỏ/đậu xanh	Công ty TNHH Summit Agro Việt Nam
198	Pendimethalin (min 90%)	Accotab 330EC	Cỏ/lạc, lúa gieo thẳng; diệt chồi/thuốc lá	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Caojin 34EC	Cỏ/đậu tương	Sinon Corporation
		Fist super 38.7CS	Cỏ/lạc	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Halosun 450CS	Cỏ/lạc	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Pendi 330EC	Cỏ/lạc, diệt chồi nách/thuốc lá	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Pendipax 500EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Vigor 33EC	Cỏ/lúa gieo thẳng, đậu tương, ngô, lạc	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
199	Pentoxazone (min 97%) 250g/l (600g/kg) + Pyrazosulfuron Ethyl 50g/l (100g/kg)	Kimpton 300SC, 700WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
200	Penoxsulam (min 98.5%)	Clipper® 25OD, 240SC	**25OD:** cỏ/lúa gieo thẳng **240SC:** cỏ/lúa gieo thẳng, cỏ/lúa cấy	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
201	Pretilachlor	Agrofit super 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP CNC Thuốc BVTV USA
		Difit 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega

202	Pretilachlor 300g/l + chất an toàn Dibarim 100 g/l	Sonic 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
203	Pretilachlor 300g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Acofit 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Ansiphit 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Bigson-fit 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Ceo 300EC	Cỏ, lúa cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
		Chani 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Chesaco 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH King Elong
		Denofit 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo
		Dodofit 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Elipza 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Fenpre 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Đồng Xanh
		Jiafit 30EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Ladofit 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Legacy 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nam Bộ
		Map-Famix 30EC, 30EW	**30EC:** lúa cỏ/lúa gieo thẳng **30EW:** cỏ/lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd
		Nôngia-an 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Nichiral 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Rice up 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd

		Sotrafix 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Starfit 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Super-kosphit 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH OCI Việt Nam
		Supperfit 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Global Farm
		Tophiz 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Eastchem Co., Ltd
		Trihamex 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Tung rice 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Sofit® 300EC	Cỏ, lúa cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Venus 300EC	Cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Vithafit 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Vifiso 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Xophicusa 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Xophicloinong 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH US.Chemical
		Xophicannong 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Weeder 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM-SX Ngọc Yến
204	Pretilachlor 310g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Robin 310EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
205	Pretilachor 350 g/l + chất an toàn Fenclorim 100 g/l	Eurofit 350EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH CEC Việt Nam

206	Pretilachlor 350g/l + chất an toàn Fenclorim 120g/l	Sonata 350EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh
207	Pretilachlor 300g/l (342g/kg) + chất an toàn Fenclorim 100g/l (114g/kg)	Prefit 300EC, 342WP	**300EC:** cỏ/lúa **342WP:** cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV I TW
208	Pretilachlor 360g/l + chất an toàn Fenclorim 120 g/l	Buffalo 360EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóc Môn
209	Pretilachlor 360 g/l + chất an toàn Fenclorim 150g/l	Dietmam 360EC	Cỏ, lúa cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC
		Tanfit 360EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Tomtit 360EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
210	Pretilachlor 400g/l + Chất an toàn Fenclorim 100g/l	Nanoxofit Super 400EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
211	Pretilachlor 400g/l + Chất an toàn Fenclorim 120g/l	Accord 400EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
212	Pretilachlor 500g/l + Chất an toàn Fenclorim 150g/l	Cleanco 500EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Delta Cropcare
		Wind-up 500EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Tân Thành
213	Pretilachlor 330g/kg + Bensulfuron methyl 40g/kg + chất an toàn Fenclorim 110g/kg	Premium 370WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
214	Pretilachlor 40% + Pyrazosulfuron Ethyl 1.4%	Trident 41.4EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH UPL Việt Nam
215	Pretilachlor 300g/l + Pyrazosulfuron Ethyl 15g/l	Novi mars 315EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông Việt
216	Pretilachlor 287g/l + Pyribenzoxim 19g/l	Saly 306EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP NN HP

217	Pretilachlor 300g/l + Pyribenzoxim 20g/l	Eonino 320EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng
		Hiltonusa 320EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Solito® 320EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
218	Propanil (DCPA) (min 95%)	Map-Prop 50SC	Cỏ/lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Propatox 360EC	Cỏ/lúa	Forward International Ltd
		Bm Weedclean 80WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd
219	Propanil 200g/l + Thiobencarb 400g/l	Satunil 60EC	Cỏ/lúa, cỏ/lúa gieo thẳng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
220	Profoxydim (min 99.6%)	Tetris 75EC	Cỏ/lúa	BASF Vietnam Co., Ltd.
221	Propaquizafop (min 92%)	Agil 100EC	Cỏ/vải, lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
222	Propyrisulfuron (min 94%)	Zeta one 10SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
223	Propisochlor 200g/kg + Pyrazosulfuron ethyl 50g/kg	V-T Rai 250WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
224	Pyrazosulfuron Ethyl (min 97%)	Aicerus 100WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Amigo 10WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
		Ansius 10WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Buzanon 10WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	FarmHannong Co., Ltd.
		Herrice 10WP	Cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Đồng Xanh

		Pyrasus 10WP	Cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Nicotex
		Rossiitalia 100WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Thôn Trang
		Rus-annong 10WP, 200SC, 700WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Russi 10WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Saathi 10WP	Cỏ/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Silk 10WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Sirius 10WP, 70WG	Cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
		Sontra 10WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Star 10WP	Cỏ/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Surio 10WP	Cỏ/lúa cấy	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Sunriver 10WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Sunrus 100WP, 150SC	**100WP:** cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cấy **150SC:** cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Tungrius 10WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Virisi 25SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vu gia 10WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA

225	Pyrazosulfuron Ethyl 0.6% + Pretilachlor 34.4%	Parany 35WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
	Pyrazosulfuron Ethyl 5g/l + Pretilachlor 295g/l + Chất an toàn Fenclorim 100g/l	Parany 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
226	Pyrazosulfuron Ethyl 2.0 % + Quinclorac 32.5%	Accura 34.5WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
227	Pyrazosulfuron Ethyl 30g/kg + Quinclorac 220g/kg	Genius 25WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
228	Pyrazosulfuron Ethyl 3% + Quinclorac 47%	Nasip 50WP	Cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Nicotex
		Sifa 50WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Đồng Xanh
		Siricet 50WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
229	Pyrazosulfuron Ethyl 30g/l + Quinclorac 470g/l	Sunquin 50SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Sundat (S) Pte Ltd
230	Pyrazosulfuron Ethyl 30g/kg (15g/l) + Quinclorac 470g/kg (235g/l)	Fasi 50WP, 250OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd.
231	Pyrazosulfuron Ethyl 50g/l (30g/kg) + Quinclorac 200g/l (470g/kg)	Ozawa 250SC, 500WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
232	Pyrazosulfuron Ethyl 50g/l + Quinclorac 250g/l	Viricet 300SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Rbcfacetplus 300SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
233	Pyrazosulfuron Ethyl 50g/kg + Quinclorac 450g/kg	Bomber TSC 500WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo
		Grassdie 500WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH CEC Việt Nam

		Quinpyrad 500WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Quipyra 500WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông Việt
		Sitafan 500WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Siftus 500WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP CN Hóa chất Nhật Bản Kasuta
		Tanrius 500WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Vinarius 500WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Việt Nam
234	Pyrazosulfuron Ethyl 30g/kg + Quinclorac 470g/kg	Andophasi 500WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
235	Pyrazosulfuron Ethyl 40g/kg + Quinclorac 565g/kg	Famirus 605WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
236	Pyribenzoxim (min 95%)	Decoechino 30EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
		Kato 51EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Kenji 30EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Vỹ Tâm
		Pyanchor 5EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Pysaco 30EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Ω-Riben 5ME	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BVTV Omega
237	Quinclorac (min 96%)	Adore 25SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược HAI
		Angel 25SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP

		Dancet 25SC, 50WP, 75WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Denton 25SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Kiên Nam
		Ekill 25SC, 37WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd
		Facet® 25SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Farus 25SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Fasetusa 250SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Fony 25SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Forwacet 50WP, 250SC	**50WP:** cỏ/lúa **250SC:** cỏ/lúa gieo thẳng	Forward International Ltd
		Naset 25SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Nomicet 250SC, 500WP	**250SC:** cỏ/lúa gieo thẳng **500WP:** cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Paxen - annong 25SC, 500WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Tancet 250SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Vicet 25SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
238	Quizalofop-P-Ethyl (min 98%)	Broadsafe 200EC	Cỏ/đậu tương	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		Cariza 5EC	Cỏ/đậu tương, sắn	Công ty CP Nicotex
		Fagor 50EC	Cỏ/sắn	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
		Greensun 50EC	Cỏ/lạc	Công ty TNHH Nam Nông Phát

		Hetcocan 5EC	Cỏ/sắn	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Itani 5EC	Cỏ/sắn, đậu tương	Công ty CP Hóc Môn
		Maruka 5EC	Cỏ/sắn, lạc, vừng, đậu tương	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Quizalo 50EC	Cỏ/đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
		Quizamaxx 15.8EC	Cỏ/đậu tương	Công ty TNHH SX & KD Tam Nông
		Targa Super 5EC	Cỏ/lạc, sắn, bông vải, đậu tương, vừng, khoai mỡ	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
		TT-Jump 5EC	Cỏ/đậu tương	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Vua cỏ 50EC	Cỏ/sắn	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
239	Quizalofop-P-tefuryl	Nuxim gold 40EC	Cỏ/đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
240	Sethoxydim (min 94%)	Nabu S 12.5EC	Cỏ/lúa, đậu tương	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
241	Simazine (min 97%)	Sipazine 80WP	Cỏ/mía, ngô	Forward International Ltd
		Visimaz 80WP	Cỏ/ngô, cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
242	Topramezone (min 96%)	Clio 336SC	Cỏ/ngô	BASF Vietnam Co., Ltd
243	Triafamone (min 93%)	Council prime 200SC	Cỏ hòa thảo/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
244	Triclopyr butoxyethyl	Garlon 308.5EC	Cỏ/cao su, lúa gieo thẳng, mía	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
245	Trifluralin (min 94%)	Triflurex 48EC	Cỏ/đậu tương	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		VT Rallin 480EC	Cỏ/lạc	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

(Xem tiếp Công báo số 77 + 78)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng